

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN
THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ
TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 10 số 0101264520 ngày 12/7/2017)



EVNDEVELOPMENT

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số:40/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng
khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2017)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ : Tầng 3 - CT1 - 583 Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 22131580 Fax: (024) 35527987
Website : <http://vnpd.com.vn/>

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ : Số 52 Đường Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại : (024) 3773 7070 Fax: (024) 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Tòa nhà Bến Thành Times Square, 136-138 Lê Thị Hồng Gấm,
P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. HCM
Điện thoại : (028) 6290 8686 Fax: (028) 6291 0560
Website : www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Đình Lê
Số điện thoại: (024).22131579

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 10 số 0101264520 ngày 12/7/2017)

Địa chỉ : Tầng 3 - CT1 - 583 Nguyễn Trãi, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 22131580 **Fax:** (024) 35527987
Website : <http://vnpd.com.vn/>



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu : VPD
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 102.493.098 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá): 1.024.930.980.000 VNĐ

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại : (84.24) 3824 1990 **Fax:** (84.24) 3825 3973
Website : www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ : Số 52 Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại : (024) 3773 7070 **Fax:** (024) 3773 9058

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ : Tầng 3, Toà nhà Bến Thành Times Square, 136 – 138 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại : (028) 6290 8686 **Fax:** (028) 6291 0560
Website: www.fpts.com.vn



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro về kinh tế	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	5
3. Rủi ro cạnh tranh	5
4. Rủi ro khác.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1. Tổ chức niêm yết.....	8
2. Tổ chức tư vấn	8
III. CÁC KHÁI NIỆM	9
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	10
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty.....	15
3. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ).....	18
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VNPD, những công ty mà VNPD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VNPD.	19
5. Hoạt động kinh doanh.....	20
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	30
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	32
8. Chính sách đối với người lao động.....	36
9. Chính sách cổ tức	38
10. Tình hình hoạt động tài chính	39
11. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	46
12. Tài sản	59
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	66
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	69
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết..	70
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	70
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	72
1. Loại chứng khoán:	72
2. Mệnh giá:	72
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:	72



4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.	72
5. Xếp hạng tín nhiệm	72
6. Phương pháp tính giá.....	73
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	74
8. Các loại thuế có liên quan.....	76
9. Tổ chức tư vấn	77
10. Tổ chức kiểm toán	77
VI. PHỤ LỤC.....	77

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn Điều lệ Công ty	13
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 5/10/2017.....	18
Bảng 3. Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 5/10/2017	19
Bảng 4. Cơ cấu doanh thu tổng hợp	22
Bảng 5. Cơ cấu doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	23
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017	23
Bảng 7. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí trên doanh thu	25
Bảng 8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố của công ty trong năm 2015 và 2016, 9 tháng đầu năm 2017	25
Bảng 9. Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	29
Bảng 10. Danh sách các hợp đồng bán hàng.....	30
Bảng 11. Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017	30
Bảng 12. Số lượng lao động của Công ty.....	36
Bảng 13. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2014, 2015 và 2016.....	38
Bảng 14. Trích lập quỹ của Công ty.....	40
Bảng 16. Danh sách đầu tư tài chính của Công ty	40
Bảng 17. Danh sách tổng dư nợ vay.....	41
Bảng 18. Danh sách dư nợ vay chi tiết của công ty	41
Bảng 19. Danh sách các khoản phải thu.....	43
Bảng 20. Danh sách các khoản phải trả.....	44
Bảng 21. Danh sách các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	45
Bảng 22. Danh sách hội đồng quản trị	46
Bảng 23. Ban Tổng giám đốc	51
Bảng 24. Danh sách Ban kiểm soát.....	53
Bảng 25. Danh sách tài sản cố định.....	59
Bảng 26. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty	59
Bảng 27. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018	66
Bảng 28. Một số chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2017 – 2021	67
Bảng 29. Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết.....	72

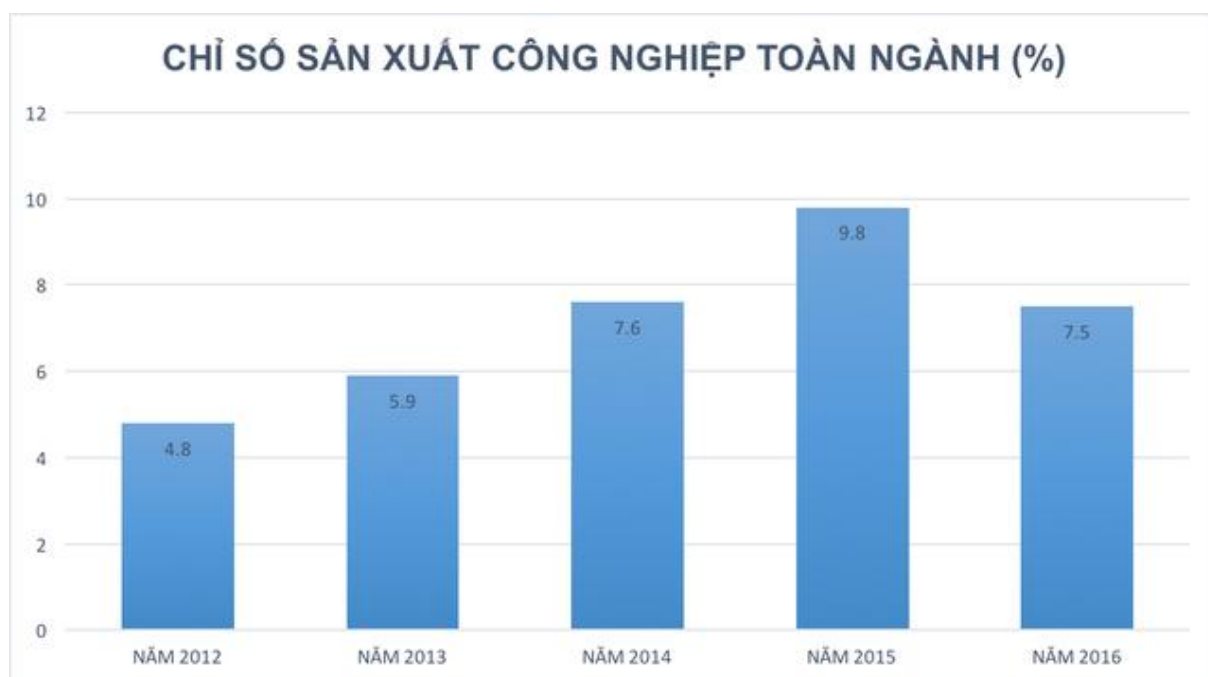


NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Với hoạt động kinh doanh chính là đầu tư phát triển nguồn điện, đảm bảo cung cấp kịp thời và đủ sản lượng điện theo nhu cầu của Hệ thống điện quốc gia với chất lượng điện năng và độ ổn định cao. Công ty chịu ảnh hưởng bởi tác động của nền kinh tế vĩ mô. Khi kinh tế tăng trưởng, cùng với chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam như hiện nay sẽ kéo theo nhu cầu về điện năng tăng cao, đặc biệt là nhu cầu của các khu công nghiệp. Ngược lại, trong giai đoạn nền kinh tế suy giảm, quy mô đầu tư giảm, tăng trưởng ở khu vực công nghiệp bị tác động tiêu cực dẫn đến nhu cầu điện năng sụt giảm mạnh.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong giai đoạn 2012 – 2016, chỉ số toàn ngành công nghiệp của năm 2016 tăng 7,5% so với năm 2015, thấp hơn nhiều so với mức tăng 9,8% của năm 2015 và 7,6% của năm 2014 do các ngành khai khoáng giảm mạnh. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 11,2%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,2%; ngành khai khoáng giảm sâu ở mức 5,9%. Đặc biệt, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,5%.

Cũng theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng GDP năm 2016 tăng 6,21% so với năm 2015. Ngoài sự sụt giảm sâu của công nghiệp khai khoáng, các yếu tố về môi trường cũng là nguyên nhân khiến cho tăng trưởng GDP Việt Nam không đạt chỉ tiêu. Theo đó, năm 2016, Việt Nam đã mất gần 1% GDP (khoảng 1,7 tỷ USD) bởi thiên tai, hạn hán. Trong đó, nhóm ngành nông – lâm – thủy sản chịu tác động mạnh mẽ nhất với 6 tháng đầu năm tăng trưởng âm. Dù vậy, theo Tổng cục thống kê mức tăng trưởng năm 2016 tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng là 6,7% đã đề ra nhưng trong bối



cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, trong nước gặp nhiều khó khăn thì mức trên đã là một thành công.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 9 tháng đầu năm 2017 ước tính tăng 6,41% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý I tăng 5,15%, quý II đã khởi sắc hơn quý I với tốc độ 6,28% và quý III tăng mạnh với 7,47%. Tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm 2017 của Việt Nam đạt 7,47% là tín hiệu vui. Song, để duy trì được mức tăng trưởng 6,7% của cả năm 2017, nhiều thách thức đang ở trước mắt.

Cùng với sự thay đổi hành lang pháp lý và môi trường đầu tư, đây là những dấu hiệu tích cực cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và của công ty nói riêng trong thời gian tới.

2. Rủi ro về luật pháp

VNPD là một pháp nhân được thành lập tại Việt Nam, hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, cùng với đặc điểm về ngành nghề nên chịu sự chi phối của các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật thuế... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan.

Để đáp ứng lộ trình hội nhập toàn cầu và những thay đổi của nền kinh tế, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam đang ở giai đoạn đổi mới mạnh mẽ, vừa tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, vừa là những thách thức trước sự cạnh tranh của một sân chơi rộng mở hơn.

Trong suốt 15 năm hoạt động đã mang lại cho Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam một vị thế vững mạnh trong ngành và lợi thế cạnh tranh tốt về sản phẩm và dịch vụ. Thêm vào đó, Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý nhằm đảm bảo các hoạt động cũng như định hướng, chiến lược phát triển của công ty tuân thủ đúng quy định có liên quan.

3. Rủi ro cạnh tranh

Thị trường phát điện cạnh tranh được vận hành thí điểm từ tháng 7 năm 2012 với sự tham gia của 75 nhà máy điện (tổng công suất đặt là 23.867 MW). Trong đó, 32 nhà máy điện trực tiếp chào giá trên thị trường, với tổng công suất đặt là 9.312 MW chiếm khoảng 39% tổng công suất đặt. Các nhà máy còn lại tham gia thị trường theo hình thức gián tiếp, bao gồm: các nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu, các nhà máy điện BOT; các nhà máy nhiệt điện chạy dầu/than nhập đất liền; và một số các nhà máy điện đặc thù khác.

Đến cuối năm 2013, có 48 nhà máy điện trực tiếp chào giá trên thị trường, với tổng công suất đặt là 11.947 MW, chiếm 44,4% tổng công suất đặt toàn hệ thống. Như vậy, so với thời điểm mới vận hành thị trường tháng 7/2012, số lượng nhà máy điện trực tiếp chào giá đã tăng thêm 16 nhà máy. Tỷ lệ công suất đặt của các nhà máy trực tiếp chào giá tăng từ mức 39% lên 44,4% tổng công suất hệ thống. Giá điện năng thị trường SMP phản ánh rõ sự khác biệt về điều kiện vận hành thực tế của hệ thống điện trong từng thời điểm trong năm (mùa khô và mùa mưa).



Thực hiện thị trường phát điện cạnh tranh sau một thời gian vận hành đã đạt được các kết quả tích cực. Hệ thống điện đã được vận hành an toàn, tin cậy, không có sự cố có nguyên nhân từ việc vận hành thị trường điện, đảm bảo cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia. Đồng thời, việc vận hành thị trường điện đã tăng tính minh bạch, công bằng trong việc huy động các nguồn điện. Thông qua cơ chế chào giá cạnh tranh, các đơn vị phát điện đã chủ động nâng cao hiệu quả cạnh tranh và giảm chi phí phát điện của các nhà máy. Theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về lộ trình, các điều kiện và cơ cấu ngành Điện để hình thành và phát triển các cấp độ thị trường điện lực tại Việt Nam, thay thế cho Quyết định số 26/2006/QĐ-TTg ngày 26-1-2006, thì cấp độ hai của thị trường điện được đẩy lên sớm hơn so với kế hoạch ban đầu. Cụ thể, năm 2015, 2016 sẽ triển khai thí điểm, chuẩn bị để năm 2017 đưa vào vận hành chính thức thị trường bán buôn điện cạnh tranh và hoàn chỉnh vào năm 2021. Từ năm 2022, sẽ thực hiện cấp độ ba là thị trường bán lẻ điện cạnh tranh. Năm 2015 đánh dấu bước phát triển mới của thị trường điện cạnh tranh, đó là triển khai giai đoạn 2 - thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

Có thể thấy rằng, các công ty điện lực đang ở giai đoạn phát triển không ngừng trong những năm gần đây. Các chính sách và kế hoạch phát triển của nhà nước đã tạo nền tảng cho sự phát triển này. Đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức cho các công ty hoạt động trong ngành như VNPD. Nhận biết được xu thế này, Công ty đã tăng cường chất lượng các dịch vụ và áp dụng các chính sách thanh toán hợp lý cho khách hàng.

4. Rủi ro khác

Rủi ro ngành thủy điện

Rủi ro về thời tiết: Đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện, thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty này. Trước sự biến đổi khí hậu, công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng việc dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn Việt Nam có yếu tố thuận lợi để phát triển thủy điện tuy nhiên những khó khăn trong việc dự báo thời tiết dẫn đến một rủi ro trong ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; khi thì các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt khi mùa khô kéo dài, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá sức chịu đựng của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.

Bên cạnh đó nhà máy thủy điện Bắc Bình là bậc thang dưới của thủy điện Đại Ninh. Nhà máy thủy điện Khe Bô là bậc thang dưới thủy điện Bản Vẽ. Lượng nước phát điện của Bắc Bình và Khe Bô phụ thuộc lớn vào lượng nước xả của 02 nhà máy này. Tuy nhiên do các thủy điện bậc thang phía trên đều có hồ chứa lớn có khả năng điều tiết nhiều năm nên các nhà máy phía dưới của VNPD được hưởng lợi từ điều này.

Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế: Hiện nay trên thế giới, các nhà khoa học đã tìm ra rất nhiều nguồn năng lượng thay thế mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng hạt nhân, thậm chí cả những nguồn năng lượng từ các loại khí. Tuy nhiên, thủy điện vẫn giữ vai trò cực kỳ quan trọng đặc biệt là tại Việt Nam. Lợi ích lớn nhất của thủy điện là hạn chế được giá thành nhiên liệu. Ngoài ra, các nhà máy thủy điện cũng có tuổi thọ lớn hơn các nhà máy nhiệt điện và chi phí nhân công thấp hơn. Trước tình hình kinh tế và tiến bộ khoa học



công nghệ còn nhiều hạn chế, lợi dụng ưu thế về vị trí địa lý và thiên nhiên của mình, Việt Nam vẫn đang là quốc gia chủ trọng thủy điện – cộng hưởng phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Do đó, VNPD với định hướng phát triển đúng đắn và đội ngũ nhiều kinh nghiệm của mình cũng đang nỗ lực để trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành công nghiệp sản xuất điện năng tại thị trường Việt Nam.

Rủi ro về điều chỉnh giá bán điện: Giá bán điện của nhà máy thủy điện được thực hiện theo các hợp đồng đàm phán và ký kết với EVN và được Cục điều tiết điện lực phê duyệt. Các nhà máy thủy điện của Công ty đã hoàn tất việc đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện với EVN trong suốt đời sống kinh tế của dự án. Do đó giá bán điện của công ty có tính ổn định cao. Giá bán điện chỉ thay đổi khi có thay đổi chính sách về phí môi trường rừng và thuế tài nguyên nước.

Rủi ro lãi suất

Năm 2017, Nhà nước đặt kế hoạch điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ với liều lượng và thời gian hợp lý, phản ứng nhanh nhạy, phù hợp với diễn biến thị trường; phấn đấu ổn định mặt bằng lãi suất, khi điều kiện cho phép sẽ giảm lãi suất cho vay đối với một số đối tượng và kỳ hạn cụ thể. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn có thể gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn. Tín dụng cho nền kinh tế 9 tháng đầu năm tăng 11,02% so với cuối năm 2016, là mức tăng cao so với các năm gần đây. Tín dụng tiếp tục đà tăng trưởng tốt thể hiện xu hướng phát triển tích cực và khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế.

Mặt bằng lãi suất vẫn được giữ ổn định. Một số ngân hàng đã có động thái tăng lãi suất huy động nhưng mức độ tăng nhỏ, không thể hiện xu hướng tăng của thị trường. Hiện lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 4,5-7,2%; lãi suất cho vay khoảng 6-11%.

Những công trình, dự án thi công xây dựng thường có quy mô vốn đầu tư lớn, do đó nguồn lực tài chính tự có thường không đáp ứng được nên Công ty thường phải sử dụng nguồn vốn huy động từ bên ngoài, đặc biệt là nguồn vốn vay ngân hàng thương mại. Những biến động về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro tỷ giá do sự biến động của tỷ giá hối đoái theo chính sách điều hành kinh tế đối với các khoản vay hoặc các giao dịch nếu có phát sinh bằng ngoại tệ.

Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Cụ thể việc xả lũ ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân, gây ra các thiệt hại kinh tế nghiêm trọng. Nếu xảy ra kiện tụng, có thể các công ty thủy điện sẽ phải tiến hành đền bù cho người dân, số tiền đền bù sẽ rất lớn, ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của các công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: Nguyễn Thanh Tùng	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Tùng Phương	Chức vụ: Kế toán trưởng
Bà: Trần Thị Minh Trung	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà: Nguyễn Thị Hạnh Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

Quyết định ủy quyền số: *Số 112-2016/QĐ/FPTS-FHR ngày 9/12/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM


Công ty	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Tổ chức đăng ký NY	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
VNPD	Công ty cổ Phần Phát triển Điện lực Việt Nam
VPD	Công ty cổ Phần Phát triển Điện lực Việt Nam
FPTS	Công ty cổ phần Chứng khoán FPT
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
CTCP	Công ty cổ phần
BCB	Bản cáo bạch
BCTC	Báo cáo tài chính
ISO	Tiêu chuẩn quốc tế
Logo	Biểu tượng
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
TGD	Tổng Giám đốc
PTGD	Phó Tổng Giám đốc
VĐL	Vốn điều lệ
LNST	Lợi nhuận sau thuế
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
DTT	Doanh thu thuần
CP	Cổ phiếu, cổ phần
VND	Việt Nam đồng



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
Tên tiếng Anh	: VIETNAM POWER DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	VNPD
Mã chứng khoán	: VPD
Logo	: 
Vốn điều lệ	: 1.024.930.980.000 VNĐ
Trụ sở chính	: Tầng 3 - CT1 - 583 Nguyễn Trãi, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Số điện thoại	: (024) 22131580
Số fax	: (024) 35527987
Website	: http://vnpd.com.vn/
GCN đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động	: Giấy chứng nhận ĐKKD Số 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 10 số 0101264520 ngày 12/7/2017 Giấy phép hoạt động điện lực số 92/GP-ĐTĐL ngày 23 tháng 12 năm 2009 do Cục Điều tiết Điện lực cấp, cho phép Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Bắc Bình Giấy phép hoạt động điện lực số 92/GP-ĐTĐL ngày 30 tháng 6 năm 2016 do Cục Điều tiết Điện lực cấp, cho phép Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Khe Bó. Giấy phép hoạt động điện lực số 182/GP-ĐTĐL ngày 16 tháng 11 năm 2016 do Cục Điều tiết Điện lực cấp, cho phép Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Má.
Ngành nghề kinh doanh chính	: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Đăng ký công ty đại chúng	: Ngày 15/04/2014 theo công văn số 1503/UBCK-QLPH của Ủy ban chứng khoán Nhà nước



1.2 Quá trình hình thành, phát triển

Ngày 03/6/2002, Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty xây dựng số 1- Bộ Xây dựng; (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (Nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (Nay là Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện với mức vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003 với tổng giá trị chuyển nhượng là 5.040.800.000 đồng. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW). Đây là nhà máy được xây dựng năm 1988-1989 nên đã bị xuống cấp hư hỏng nhiều, thiết bị cũ mòn lạc hậu thường xuyên phải ngừng sản xuất để sửa chữa. Sau khi nhận chuyển nhượng Công ty phải đầu tư sửa chữa gần như toàn bộ lại nhà máy nên mới phát điện trở lại được.

Ngày 19/12/2004, Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW), tổng mức đầu tư là 767,58 tỷ đồng. Đây là dự án nhóm B và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XD/CB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009.

Ngày 12/9/2007, Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô tại huyện Trương Định, tỉnh Nghệ An có tổng mức đầu tư là 3.309,59 tỷ đồng, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu “Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010”. Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013.

Ngày 14/4/2009, Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ – VNPD – HĐQT, Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần 10 số 0101264520 ngày 12/7/2017, các hoạt động kinh doanh của công ty cụ thể như sau:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);



4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Buôn bán vật tư, thiết bị điện, thiết bị tin học;
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; - Sản xuất thiết bị điện;
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: - Tư vấn lắp đặt máy móc và thiết bị năng lượng, hướng dẫn vận hành, xử lý sự cố và sửa chữa máy điện; (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)
3510 (Chính)	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: - Sản xuất, phân phối, bán điện;
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp công trình điện; - Xây dựng công trình giao thông;
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
8532	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: - Đào tạo nghề cơ khí, điện, điện tử tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); - Dịch vụ xúc tiến việc làm;
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản;
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ quản lý bất động sản (không bao gồm môi giới, định giá, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản)
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu. - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Lĩnh vực xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy điện; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công trình công nghiệp; - Thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn đền bù, giải phóng mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Tư vấn, giám sát thi công xây dựng (công trình xây dựng điện đến 220 KV); - Tư vấn xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình xây dựng, thủy lợi, giao thông; - Tư vấn lập dự án kinh doanh (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn thuế và tài chính);
7911	Đại lý du lịch Chi tiết: - Dịch vụ phục vụ khách du lịch;

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đang quản lý 03 nhà máy và 01 Trung tâm tư vấn thiết kế, cụ thể như sau:

- Trụ sở văn phòng: Tầng 3 - CT1 - 583 Nguyễn Trãi, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
- Các chi nhánh:

+ Nhà máy thủy điện Nậm Mả: Là đơn vị trực thuộc của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam. Trạm chịu sự quản lý và điều hành của Công ty và các cơ quan pháp luật tại địa phương. Trưởng Trạm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty tại Nhà máy, giữ quyền điều hành cao nhất tại Nhà máy và thực hiện điều hành toàn bộ hoạt động của Nhà máy theo phân cấp và ủy quyền của Công ty. Văn phòng đại diện của Trạm thủy điện có



trụ sở tại Thị trấn Cao Bồ - Huyện Vị Xuyên - Tỉnh Hà Giang. Do Trạm có quy mô nhỏ nên CBCNV của Trạm thực hiện chức năng duy nhất là quản lý và vận hành Trạm thủy điện Nậm Má dưới sự điều hành trực tiếp của Công ty.

+ Nhà máy thủy điện Bắc Bình: Là đơn vị chi nhánh của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 11/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 20/04/2009 của Hội đồng quản trị Công ty. Nhà máy có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình. Nhà máy chịu sự quản lý và điều hành của Công ty và các cơ quan pháp luật tại địa phương. Văn phòng đại diện của Nhà máy có trụ sở tại Thị trấn Lương Sơn - Huyện Bắc Bình - Tỉnh Bình Thuận.

+ Nhà máy thủy điện Khe Bô: Là đơn vị chi nhánh của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 10/01/2013 của Hội đồng quản trị Công ty. Nhà máy có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hạch toán phụ thuộc, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Ngân hàng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng theo quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà máy Thủy điện Khe Bô. Nhà máy chịu sự quản lý và điều hành của Công ty và các cơ quan pháp luật tại địa phương. Văn phòng đại diện của Nhà máy có trụ sở tại Xã Tam Quang- Huyện Tương Dương- Tỉnh Nghệ An.

+ Trung tâm tư vấn thiết kế: Trung tâm Tư vấn Thiết kế (PEC) là đơn vị hạch toán phụ thuộc có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có tài khoản và con dấu riêng, được thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 14/4/2009 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam và được Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký hoạt động từ ngày 03/8/2009. Trung tâm Tư vấn Thiết kế hoạt động theo nguyên tắc lấy thu bù chi, tăng doanh thu tạo lợi nhuận để cải thiện thu nhập cho CBCNV Công ty. Văn phòng đại diện của Trung tâm có trụ sở tại Tầng 3 - Tòa nhà CT1 - Số 583 - Đường Nguyễn Trãi - Phường Văn Quán - Quận Hà Đông - Thành phố Hà Nội.

Quá trình tăng vốn

Bảng 1. Bảng tổng hợp quá trình tăng vốn Điều lệ Công ty

Thời điểm	Số lượng cổ phần phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành (VNĐ)	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận phát hành
3/6/2012		13.700.000.000		Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Góp vốn từ 05 cổ đông sáng lập
31/12/2013	87.347.043	887.170.430.000	1. Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu đồng thời là cổ	Đại hội đồng cổ đông công ty, Hội đồng quản trị (theo ủy



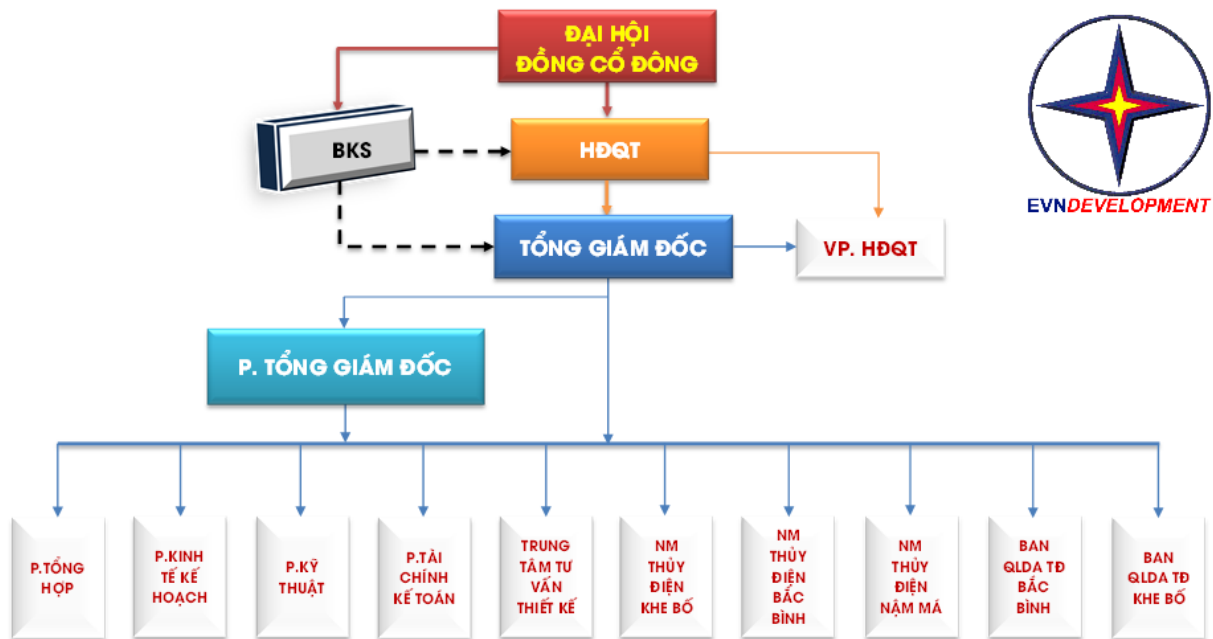
			<p><i>đồng sáng lập</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phát hành: 36.197.234 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu <p><i>2. Phát hành cho cán bộ, công nhân viên ngành điện do Công đoàn điện lực Việt Nam đã huy động góp vốn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Bình theo phân bổ của VNPD; Cán bộ, công nhân viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Cán bộ, công nhân viên VNPD</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phát hành: 51.149.809 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000 – 12.000 đồng/cổ phiếu theo đối tượng và theo từng giai đoạn tăng vốn 	<p>quyền của Đại hội đồng cổ đông).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 29/12/2007 - Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/11/2008 - Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HĐQT ngày 26/3/2010. - Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 24/4/2011 - Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013
21/8/2014	2.089.421	908.064.640.000	<p>Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2,5%</p>	<p>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014</p>
18/11/2015	9.190.207	999.966.710.000	<p><i>1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng phát hành: 6.923.375 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 	<p>Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 51/GCN-UBCK cấp ngày 29/07/2015</p>



			7,6243% - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu 2. Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5% - Số lượng phát hành: 2.266.832 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ: 2,5%	
4/11/2016	2.496.427	1.024.930.980.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 2.496.427 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ: 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 6559/UBCK-QLCB ngày 29/9/2016.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam)

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty



Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 04 thành viên. Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và đội ngũ cán bộ quản lý bao gồm: Giám đốc các nhà máy và Trưởng các ban Quản lý dự án. Hội đồng quản trị hiện có 1/4 thành viên hoạt động chuyên trách.



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) do Đại hội đồng cổ đông bầu, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

Tổng Giám đốc Công ty

Là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành mọi hoạt động trong Công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Bộ máy giúp việc

Bao gồm: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban chức năng.

Bộ máy giúp việc có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi quản lý điều hành hàng ngày.

Các phòng ban chức năng gồm: Văn phòng Hội đồng quản trị, Phòng Tổng hợp, Phòng Kinh tế – Kế hoạch, Phòng Kỹ thuật, Phòng Tài chính Kế toán, Ban QLDA nhà máy thủy điện Khe Bó, Ban QLDA nhà máy thủy điện Bắc Bình, Nhà máy thủy điện Khe Bó, Nhà máy thủy điện Bắc Bình, Nhà máy thủy điện Nậm Má, Trung tâm tư vấn thiết kế.

Văn phòng Hội đồng quản trị

Chức năng nhiệm vụ chính của Văn phòng Hội đồng quản trị là giúp việc cho Hội đồng quản trị trong công tác chỉ đạo, điều hành và kết nối với Ban điều hành cũng như các phòng, ban chức năng trong Công ty. Văn phòng HĐQT phụ trách tổ chức các cuộc họp Đại hội cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, Văn phòng HĐQT phụ trách công tác quản lý cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và thực hiện các quyền cổ đông.

Phòng Tổng hợp

Chức năng nhiệm vụ chính của Phòng Tổng hợp là tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau: Công tác hành chính quản trị; Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo; Công tác lao động tiền lương; Công tác thi đua khen thưởng; Công tác bảo vệ, thanh tra, pháp chế.

Phòng Kinh tế – Kế hoạch

Chức năng nhiệm vụ chính của Phòng Kinh tế - Kế hoạch là tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau: Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây



dựng; Kinh tế dự toán xây dựng, sửa chữa lớn; Công tác đấu thầu; Lập, thẩm tra, thẩm định, trình duyệt các dự án đầu tư (ở giai đoạn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư, thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế thi công); Quản lý hợp đồng kinh tế, thanh toán, quyết toán và thanh lý hợp đồng; Công tác kinh doanh điện.

Phòng Kỹ thuật

Chức năng nhiệm vụ chính của Phòng Kỹ thuật là tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau: Đầu tư xây dựng, quản lý kỹ thuật, chất lượng, tiến độ thi công các dự án; Quản lý kỹ thuật sản xuất vận hành các nhà máy điện; Quản lý và sử dụng vật tư, thiết bị cho sản xuất; Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh môi trường; Nghiên cứu khoa học, công nghệ, môi trường, sáng kiến cải tiến kỹ thuật và tiêu chuẩn hoá trong quản lý chất lượng; Quản lý điều hành các hoạt động mua, bán điện của các nhà máy điện một cách hiệu quả; Công tác giảng dạy, thi nâng bậc công nhân kỹ thuật.

Phòng Tài chính kế toán

Chức năng nhiệm vụ chính của Phòng Tài chính kế toán là tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành các công tác sau: Quản lý tài chính kế toán và tổ chức thực hiện nghiệp vụ về công tác tài chính kế toán trong cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc theo đúng quy định của Nhà nước; Công tác quản lý vốn và các nguồn tài chính thuộc các dự án Công ty đầu tư.

Ban QLDA nhà máy thủy điện Khe Bó (AKB): Có chức năng thực hiện quản lý dự án nhà máy thủy điện Khe Bó, từ khi bắt đầu thực hiện dự án đến khi kết thúc đưa dự án vào khai thác sử dụng theo đúng các qui định hiện hành của Nhà nước. Hiện nay, nhà máy thủy điện Khe Bó đã đi vào hoạt động, Ban QLDA thủy điện Khe Bó có nhiệm vụ hoàn thiện các hạng mục xây lắp còn lại của Nhà máy và thực hiện công tác quyết toán công trình. Sau khi hoàn thiện xong các phần việc trên, Ban QLDA thủy điện Khe Bó sẽ giải thể.

Ban QLDA nhà máy thủy điện Bắc Bình: Có chức năng tương tự đối với Ban Quản lý nhà máy thủy điện Khe Bó tại địa bàn Nhà máy thủy điện Bắc Bình.

Nhà máy thủy điện Khe Bó: Có chức năng quản lý, vận hành, sửa chữa nhà máy thủy điện Khe Bó an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Nhà Nhà máy thủy điện Bắc Bình: Có chức năng quản lý, vận hành, sửa chữa nhà máy thủy điện Bắc Bình an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Nhà máy thủy điện Nậm Mả: Quản lý vận hành nhà máy thủy điện Nậm Mả đảm bảo an toàn, hiệu quả và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.

Trung tâm tư vấn thiết kế: Có chức năng tư vấn thiết kế cho các dự án thủy điện, giám sát các hạng mục công trình của nhà máy thủy điện Khe Bó và thực hiện các chức năng khác do Công ty giao.



3. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ)

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 5/10/2017

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tính đến thời điểm 5/10/2017

ST T	Tên	CMT/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Phát điện 1	570166215 2	Tháp B, Tòa EVN, 11 Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.	37.559.843	375.598.430.000	36,6 5%
	Người đại diện phần vốn tại VPD					
	Nguyễn Thanh Tùng	011372396	Nhà B1- CO3 Splendor, KĐT Bắc An Khánh, An Khánh, Hoài đức, Hà Nội	22.535.906	225.359.060.000	22,9 9%
	Nguyễn Tùng Phương	111309362	Số 3, Phố Yên Bình, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	15.023.937	150.239..370.000	14,6 6%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	030389809 3	362/14, Đường Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	12.665.463	126.654.630.000	12,3 6%
	Người đại diện phần vốn tại VPD					
	Nguyễn Văn Khóa	023665370	89/17 Đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. HCM	12.665.463	126.654.630.000	12,36%
3	Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	080029685 3	P. Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương	10.876.594	108.765.940.000	10,61%
	Người đại diện phần vốn tại VPD					



	Nguyễn Văn Thịnh	142469165	Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương	10.876.594	108.765.940.000	10,61%
Tổng cộng				61.101.900	611.019.000.000	59,62%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người SHCK số C434/2017-VNPD/VSD-ĐK ngày 9/10/2017 của Trung tâm LKCKVN và văn bản số 269/QĐ-EVNGENCO1 về việc “Cử người đại diện vốn của EVNGENCO1 tham gia quản lý, điều hành tại Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam”

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 03/06/2002, đăng ký thay đổi lần 10 vào ngày 12/7/2017.

Theo quy định tại điều 119 Luật doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.3 Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 5/10/2017

Bảng 3. Danh sách cổ đông tính đến thời điểm 5/10/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	6.867	102.450.642	99,96%
1	Cổ đông tổ chức	14	65.415.770	63,82%
2	Cổ đông cá nhân	6.853	37.034.872	36,14%
II	Cổ đông nước ngoài	3	42.456	0,04
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	3	42.456	0,04%
Tổng cộng		6.870	102.493.098	100%

Nguồn: Danh sách tổng hợp người SHCK số C434/2017-VNPD/VSD-ĐK ngày 9/10/2017 của Trung tâm LKCKVN

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VNPD, những công ty mà VNPD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VNPD.

- Danh sách những công ty mẹ: Không có.
- Danh sách những công ty con: Không có.
- Công ty mà Công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có.
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng: Không có.



5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là một trong những công ty liên kết của Tổng Công ty Phát điện 1 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Công ty được thành lập với sứ mệnh góp phần đáp ứng đầy đủ nhu cầu điện năng cho mục đích phát triển kinh tế, an sinh xã hội; trở thành một trong những công ty đi đầu trong phát triển đa dạng hóa nguồn năng lượng tái tạo.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là sản xuất và bán điện.

5.1.1 Dịch vụ cung cấp, truyền tải và phân phối điện

Nguồn thu chủ yếu của Công ty đến từ doanh thu bán điện của các nhà máy thủy điện Khe Bô, nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Nậm Má.

Nhà máy thủy điện Khe Bô bắt đầu vận hành từ tháng 05/2013. Đập chính của nhà máy nằm trên sông Cả, đoạn thuộc địa phận xã Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Hồ chứa thủy điện Khe Bô có dung tích toàn bộ là 97,8 triệu m³, dung tích hữu ích là 17,2 triệu m³, mực nước dâng bình thường là 65m, mực nước chết là 63m, hồ chứa có nhiệm vụ điều tiết hồ chứa ngày đêm để phát điện và điều tiết dòng chảy để phục vụ cấp nước sinh hoạt, đầy mặn cho hạ du. Công suất thiết kế của nhà máy là 100MW với điện lượng trung bình hàng năm là 396,8 triệu kWh. Thiết bị chính của nhà máy do nhà thầu Trung Quốc cung cấp. Kết quả vận hành thực tế cho thấy sản lượng điện thực phát cơ bản phù hợp với sản lượng điện được phê duyệt.

Nhà máy thủy điện Bắc Bình bắt đầu vận hành từ tháng 10/2009. Công trình Thủy điện Bắc Bình được xây dựng trên suối Martin, vị trí tuyến thuộc 2 xã Phan Sơn và Phan Lâm, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Hồ chứa thủy điện Bắc Bình có dung tích toàn bộ là 5,89 triệu m³, mực nước dâng bình thường là 205m, mực nước chết là 205m, hồ chứa không có dung tích điều tiết. Công suất thiết kế của nhà máy là 33MW với điện lượng trung bình hàng năm là 99,2 triệu kWh. Thiết bị chính của nhà máy do nhà thầu Trung Quốc cung cấp. Kết quả vận hành thực tế cho thấy sản lượng điện thực phát cơ bản phù hợp với sản lượng điện được phê duyệt.

Nhà máy thủy điện Nậm Má được VNPD mua lại của tỉnh Hà Giang năm 2003. Công trình Thủy điện Nậm Má được xây dựng trên suối Nậm Má, vị trí nhà máy thuộc địa phận xã Cao Bò, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Công suất thiết kế của nhà máy là 3,2MW với điện lượng trung bình hàng năm là 10,43 triệu kWh. Kết quả vận hành thực tế cho thấy sản lượng điện thực phát cơ bản phù hợp với sản lượng điện được phê duyệt.

Đến ngày 30/9/2017 sản lượng điện thương phẩm của Công ty là: 454.895.206/511.711.670 kWh, đạt 88,90% kế hoạch năm 2017, đạt 114,99 % kế hoạch 9 tháng đầu năm (454.895.206/395.597.330 kWh). Như vậy Công ty VNPD hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng 9 tháng đầu năm. Cụ thể như sau:



Nhà máy	Sản lượng điện thương phẩm (kWh)		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch
I. Nhà máy thủy điện Khe Bô:			
Tổng 9 tháng	311.521.530	322.649.198	So với Kế hoạch 9 tháng 103,57%
II. Nhà máy thủy điện Bắc Bình:			
Tổng 9 tháng	76.275.800	123.975.296	So với Kế hoạch 9 tháng 162,54%
III. Trạm thủy điện Nậm Mả:			
Tổng 9 tháng	7.800.000	8.270.712	So với Kế hoạch 9 tháng 106,03%
IV. Tổng sản lượng các Nhà máy toàn VNPD			
Tổng 9 tháng	395.597.330	454.895.206	So với Kế hoạch 9 tháng 114,99%

Trong quá trình sản xuất điện, Công ty đã thực hiện tốt công tác tối ưu hóa theo chỉ đạo của Tổng Công ty Phát điện 1, suất tiêu hao nước và điện tự dùng của các nhà máy đã được Công ty sử dụng tiết kiệm tối đa, nhỏ hơn so với thiết kế.

5.1.2 Hoạt động tư vấn giám sát

Ngoài những hoạt động sản xuất điện mang lại doanh thu chính và ổn định, Công ty còn một số nguồn thu khác từ hoạt động tư vấn giám sát. Đây cũng là những hoạt động được công ty tận dụng dựa trên những nguồn lực hiện có và được thực hiện tại Trung tâm tư vấn thiết kế của Công ty.

Từ năm 2015 trở về trước, Trung tâm đã thực hiện một số hợp đồng như sau:

Stt	Hợp đồng		Nội dung hợp đồng
	Số hiệu	Ngày tháng	
1	13A/2009/HĐTV-VNPD	29/7/2009	Tư vấn giám sát thi công xây dựng Nhà máy TĐ Khe Bô từ 20/6/2009 đến tháng 12/2009
2	01A/2011/HĐTV-VNPD-PEC	25/2/2011	Thực hiện công tác TVGS xây lắp đường dây 220KV thuộc dự án thủy điện Khe Bô
3	18B/2009/HĐTV-VNPD	18/11/2009	Thực hiện công tác lập thiết kế BVTC, dự toán nhà bếp, nhà kho bổ sung của hạng mục Nhà máy thủy điện Bắc Bình
4	11/2010/HĐTV-VNPD-PEC	24/11/2010	Khảo sát thiết kế đường vận hành lên Tháp điều áp và xuống cửa nhận nước
5	03/2014/HĐTV-VNPD	20/02/2014	Khảo sát địa hình phục vụ thiết kế BVTC xử lý sạt lở khu vực bờ trái



6	01/2014/TVGS-PEC-QL7	03/09/2014	Tư vấn giám sát thi công xây dựng xử lý sạt trượt mái ta luy âm Km 148+00:-Km148+500 đường tránh ngập lòng hồ quốc lộ 7- DA Thủy điện Khe Bó
7	02/2014/TVGS-PEC-VT	23/09/2014	Tư vấn giám sát thi công XD, xử lý sạt trượt lở khu vực bờ trái- DA Thủy điện Khe Bó
8	02/2010/TVGS-NP-PEC	20/01/2010	TVGS thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công xây dựng DATĐ Nậm Phàng
9	02/2010/ TVGS-PEC-QL7	04/12/2010	TVGS thi công đoạn đường tránh ngập lòng hồ QL7 (Đoạn Km142+500:-Km149+350)
10	48/2011/TVGS-PEC-ĐGT	01/01/2011	TVGS thi công xây dựng: Tuyến đường giao thông liên khu tái định cư thuộc dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Sau năm 2015, các công trình thủy điện của công ty đi vào vận hành, Trung tâm chưa thực hiện thêm các dự án để đóng góp vào doanh thu cho Công ty.

5.1.3 Số liệu cơ cấu doanh thu

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu tổng hợp

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.635.451.231	99,79%	448.743.607.239	99,50%	446.386.808.466	99,67%
Doanh thu từ hoạt động tài chính	906.908.778	0,21%	2.008.376.970	0,45%	1.385.065.236	0,31%
Thu nhập khác	2.018.262	0,00%	243.593.636	0,05%	75.723.543	0,02%
Tổng	441.544.378.271	100%	450.995.577.845	100%	447,847,597,245	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Năm 2016 do ảnh hưởng của El Nino gây hạn hán, lượng mưa ít. Nhà máy thủy điện Khe Bó trong các tháng 7,8 và Nhà máy thủy điện Bắc Bình trong các tháng 4, 5, 8, 9 lượng nước về hồ ít nên sản lượng đạt rất thấp so với trung bình nhiều năm. Tuy nhiên, Nhà máy thủy điện Bắc Bình có lượng nước về hồ trong 3 tháng cuối năm tốt nên kế hoạch sản lượng năm 2016 của toàn Công ty đạt 101,76% kế hoạch Đại hội cổ đông giao và tăng 2,14% so với năm 2015.



Tính đến 9 tháng đầu năm 2017, do lượng nước dồi dào hơn, tổng doanh thu của Công ty 9 tháng đầu năm 2017 đạt gần 448 tỷ đồng đạt 88,03% kế hoạch cả năm và 114,55% kế hoạch 9 tháng đầu năm.

Bảng 5. Cơ cấu doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
1. Doanh thu bán điện thương phẩm	439.860.619.947	99,82%	448.743.607.239	100%	446.386.808.466	100%
Nhà máy điện Nậm Má	10.435.258.577	2,37%	10.559.773.584	2,35%	7.600.811.490	1,70%
Nhà máy điện Bắc Bình	72.965.498.625	16,56%	71.079.618.771	15,84%	99.304.189.899	22,25%
Nhà máy điện Khe Bô	356.459.862.745	80,90%	367.104.214.884	81,81%	339.481.807.077	76,05%
2. Doanh thu cung cấp dịch vụ	774.831.284	0,18%	-	-	-	-
Doanh thu tư vấn giám sát	774.831.284	0,18%	-	-	-	-
Tổng doanh thu	440.635.451.231	100%	448.743.607.239	100%	446.386.808.466	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Cơ cấu doanh thu bán hàng của Công ty thay đổi rõ nét trong hai năm gần đây. Năm 2015, doanh thu cung cấp dịch vụ cụ thể là từ hoạt động tư vấn giám sát chiếm 0,18% tổng doanh thu. Tuy nhiên, trong năm 2016 và 9 tháng đầu năm 2017, 100% tổng doanh thu của Công ty đến từ hoạt động bán điện thương phẩm do hoạt động tư vấn giám sát được thực hiện bởi Trung tâm tư vấn thiết kế của Công ty chủ yếu phục vụ cho dự án Thủy điện Khe Bô hiện đã đi vào vận hành.

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
1. Lợi nhuận bán điện thương phẩm	207.486.415.620	47,17%	204.846.562.242	45,65%	252.843.620.862	56,64%
2. Lợi nhuận tư vấn giám sát	33.807.298	0,01%	-	-	-	-
Tổng lợi nhuận gộp	207.520.222.918	47,18%	204.846.562.242	45,65%	252.843.620.862	56,64%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Mặc dù doanh thu năm 2016 có sự tăng trưởng nhẹ nhưng lợi nhuận gộp năm 2016 lại giảm so với năm 2015 là do việc tăng chi phí bất thường trong năm. Kế hoạch chi phí năm 2016



được Đại hội đồng cổ đông thông qua với giá trị là 393.674.154.211 đồng. Công ty đã tiết kiệm tối đa chi phí, đến 31/12/2016, Công ty thực hiện chi phí hết 393.613.618.744 đồng, thực hiện hết 99,98% kế hoạch. Tuy nhiên, ngày 01/7/2016, Thuế tài nguyên nước tăng từ 4% lên 5% của giá bán lẻ điện bình quân (Theo Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015) nên làm tăng chi phí lên 4.953.652.165 đồng. Nếu không tăng khoản chi phí này thì chi phí năm 2016 của Công ty chỉ là 98,73% kế hoạch.

Đến 30/9/2017, tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu của công ty đạt tới 56,54% doanh thu, một con số tăng trưởng khá ấn tượng, tỷ trọng này tăng gần 11% so với năm 2016.

5.2 Nguyên vật liệu

Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nước. Lượng nước phát điện của các nhà máy phụ thuộc vào lượng mưa của lưu vực hồ chứa, ngoài ra còn phụ thuộc vào lượng nước xả của các hồ phía trên như: hồ Bản Vẽ đối với thủy điện Khe Bó; hồ Đại Ninh đối với thủy điện Bắc Bình. Cụ thể trong năm 2016, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

Lượng nước sử dụng/năm:

+ Nhà máy thủy điện Khe Bó:	6.184,840x10 ⁶ m ³
+ Nhà máy thủy điện Bắc Bình:	552,127x10 ⁶ m ³
+ Trạm thủy điện Nậm Mả:	50,050x10 ⁶ m ³
Tổng cộng:	6.787,017x10 ⁶ m ³

Nguồn cung cấp nước cho các nhà máy thủy điện của công ty: Hồ chứa Khe Bó-Sông Lam-huyện Tương Dương-tỉnh Nghệ An; hồ chứa Bắc Bình-Sông Lũy-huyện Bắc Bình-tỉnh Bình Thuận; suối Nậm Mả-huyện Vị Xuyên-tỉnh Hà Giang. Trong đó:

- *Nhà máy thủy điện Khe Bó*: Hồ chứa Khe Bó-Sông Lam-huyện Tương Dương-tỉnh Nghệ An nằm trên Sông Cả với dung tích hữu ích là 17,2 triệu m³. Hồ có nhiệm vụ là điều tiết lại nước đến trong ngày đêm để cung cấp nước phát điện cho nhà máy thủy điện Khe Bó. Hồ Khe Bó được cấp nước từ hai nguồn là lượng nước xả từ hồ Bản Vẽ (chiếm khoảng 60%) và sông Nậm Mô (chiếm khoảng 40%). Qua thực tế phát điện một số năm cho thấy dòng chảy thực tế đến hồ phù hợp với dòng chảy đã tính toán trong thiết kế.

- *Nhà máy thủy điện Bắc Bình*: Hồ chứa Bắc Bình-Sông Lũy-huyện Bắc Bình-tỉnh Bình Thuận nằm trên suối Martin ngay sau kênh xả của nhà máy thủy điện Đại Ninh. Dung tích hữu ích của hồ chứa là 0 m³. Hồ chứa Bắc Bình được cấp nước từ hai nguồn là lượng nước xả từ nhà máy thủy điện Đại Ninh (chiếm khoảng 99%) và suối Martin (chiếm khoảng 1%).

- *Trạm thủy điện Nậm Mả*: Suối Nậm Mả-huyện Vị Xuyên-tỉnh Hà Giang được ngăn bởi đập thủy điện Nậm Mả tại vị trí thuộc địa phận xã Cao Bồ để cung cấp nước phát điện cho thủy điện Nậm Mả. Hồ thủy điện Nậm Mả có dung tích toàn bộ là 2.984 m³, dung tích hữu ích là 0 m³. Khi lưu lượng đến đập nhỏ hơn lưu lượng phát điện thì toàn bộ lưu lượng đó sẽ được dẫn



vào kênh dẫn để phục vụ phát điện. Khi lưu lượng đến đập lớn hơn lưu lượng phát điện thì phần lưu lượng chênh lệch đó sẽ được xả thừa qua tràn.

5.3 Chi phí sản xuất

Bảng 7. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ lệ từng loại chi phí trên doanh thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		9 tháng đầu năm 2017	
	Giá trị (đồng)	%/DTT	Giá trị (đồng)	%/DTT	Giá trị (đồng)	%/DTT
1. Giá vốn hàng bán	233.115.228.313	52,9%	243.897.044.997	54,4%	193.543.187.604	43,36%
2. Chi phí tài chính. Trong đó:	137.109.996.432	31,1%	121.699.376.147	27,1%	86.157.525.979	19,30%
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>136.158.220.358</i>	<i>30,90%</i>	<i>121.748.711.472</i>	<i>27,13%</i>	<i>85.867.735.729</i>	<i>19,24%</i>
3. Chi phí QLDN	25.825.294.627	5,9%	27.685.997.600	6,2%	17.945.642.177	4,02%
4. Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
5. Chi phí khác	319.314.639	0,1%	331.200.000	0,1%	835.326.492	0,002%
Tổng cộng	396.369.834.011	90,0%	393.613.618.744	87,7%	298.481.682.252	66,87%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016; BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Năm 2016, chi phí lãi vay giảm do trong năm Công ty thực hiện trả nợ gốc vay theo các hợp đồng tín dụng, gốc vay giảm dẫn đến lãi vay giảm tương ứng. Tổng dư nợ vay giảm dần từ 1.528 tỷ năm 2015 xuống còn 1.387 tỷ năm 2016 và 1.357 tỷ tại 30/9/2017. Bên cạnh đó, việc tái toán hợp đồng vay trước hạn với Vietinbank với mức lãi suất 10,5%/năm và ký hợp đồng vay với BIDV với mức lãi suất 9%/năm trong năm 2016 đã giúp công ty giảm được một khoản chi phí lãi vay đáng kể.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong ngành điện, chi phí đặc thù chủ yếu của Công ty ngoài khấu hao tài sản cố định còn là các khoản thuế về tài nguyên môi trường. Cụ thể, chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của doanh nghiệp như sau:

Bảng 8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố của công ty trong năm 2015 và 2016, 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	%/DTT	Năm 2016	%/DTT	9 tháng đầu năm 2017	%/DTT
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.113.663.675	0,25%	1.163.739.894	0,26%	632.305.470	0,14%
2. Chi phí	25.136.267.501	5,70%	28.418.808.279	6,33%	17.112.997.480	3,83%



nhân công						
3. Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	705.332.028	0,16%	882.323.299	0,20%	177.162.466	0,04%
4. Chi phí khấu hao TSCĐ	180.477.615.906	40,96%	181.267.408.253	40,39%	135.923.423.458	30,45%
5. Chi phí sửa chữa TSCĐ	845.332.934	0,19%	963.615.766	0,21%	861.029.376	0,19%
6. Thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng	36.491.525.191	8,28%	44.694.398.147	9,96%	46.063.085.777	10,32%
7. Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.166.154.465	1,17%	5.042.377.021	1,12%	3.348.974.968	0,75%
8. Chi phí khác bằng tiền	8.264.737.254	1,88%	9.151.482.438	2,04%	7.371.323.786	1,65%
Tổng cộng	258.200.628.954	58,60%	271.584.153.097	60,52%	211.490.302.781	47,38%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016; BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Thuế Tài nguyên nước và Phí Môi trường rừng tăng do năm 2016 lượng nước về các hồ thủy điện nhiều hơn năm 2015, làm cho sản lượng năm 2016 tăng lên dẫn đến thuế TNN và phí MTR tăng lên. Ngoài ra, các khoản chi phí khác có mức tăng giảm không đáng kể.

5.4 Trình độ công nghệ

Công ty Cổ phần phát triển Điện lực Việt Nam nhận chuyển giao toàn bộ khoa học công nghệ từ các nhà thầu trong và ngoài nước, đến thời điểm hiện tại các nhà máy đã nắm bắt tốt công nghệ và vận hành ổn định, an toàn các tổ máy phát điện. Đồng thời chủ động trong công tác sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn các tổ máy của các Nhà máy điện.

Thông số cụ thể của các Nhà máy như sau:

Nhà máy thủy điện Bắc Bình:

- Năm hoàn thành xây dựng: 2009
- Công suất lắp máy: 33 MW
- Số tổ máy: 02
- Kiểu tua bin: Tua bin Francis trục đứng
- Kiểu máy phát: máy phát đồng bộ ba pha, trục đứng
- Kiểu Nhà máy: Nhà máy hồ
- Điện áp thanh cái bán điện: 110kV
- Điện lượng thiết kế: 99,2 triệu kWh /năm
- Các tiêu chuẩn áp dụng: sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế: ISO, IEC, GOCT, DIN, VDE, BSI, ASTM, ANSI, AWS, IEEE, NEMA, NFPA, ASME, SIS, EN, JIS, GB và các tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN.
- Tình trạng vận hành: sau nhiều năm vận hành, các tổ máy vận hành vẫn đạt được công suất thiết kế ban đầu

Nhà máy thủy điện Khe Bó:

- Năm hoàn thành xây dựng: 2013
- Công suất lắp máy: 100 MW
- Số tổ máy: 02
- Kiểu tua bin: Tua bin Kaplan trục đứng
- Kiểu máy phát: máy phát đồng bộ ba pha, trục đứng
- Kiểu Nhà máy: Nhà máy hồ sau đập.
- Điện áp thanh cái bán điện: 220kV
- Điện lượng thiết kế: 396,8 triệu kWh / năm
- Các tiêu chuẩn áp dụng: sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế: ISO, IEC, GOCT, DIN, VDE, BSI, ASTM, ANSI, AWS, IEEE, NEMA, NFPA, ASME, SIS, EN, JIS, GB và các tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN.
- Tình trạng vận hành: sau nhiều năm vận hành, các tổ máy vận hành vẫn đạt được công suất thiết kế ban đầu.

Nhà máy thủy điện Nậm Mả:

- VNPD mua lại của Điện lực Hà Giang năm 2003.
- Công suất lắp máy: 3,2 MW
- Số tổ máy: 02
- Kiểu tua bin: Tua bin Francis trục ngang
- Kiểu máy phát: máy phát đồng bộ ba pha, trục ngang
- Kiểu Nhà máy: Nhà máy hồ có kênh dẫn nước và đường ống áp lực
- Điện áp thanh cái bán điện: 22kV
- Điện lượng thiết kế: 10,43 triệu kWh / năm
- Các tiêu chuẩn áp dụng: sử dụng tiêu chuẩn của Trung Quốc (GB) và các tiêu chuẩn Việt Nam: TCVN.

Công tác đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thị trường điện: Công ty đã trang bị cho các nhà máy Bắc Bình và Khe Bó hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ vận hành thị trường phát điện cạnh tranh đảm bảo theo đúng các yêu cầu kỹ thuật đề ra của EVN: Trang bị các thiết bị phục vụ kết nối các Nhà máy vào mạng WAN VCGM; Trang bị 01 kênh VPN Internet tốc độ 2Mbps làm kênh dự phòng kết nối mạng WAN VCGM, tuân thủ quy định tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục điều tiết đã ban hành; Xây dựng hệ thống thu thập và bảo mật số liệu đo đếm tại chỗ, kết nối truyền dữ liệu đo đếm về A0, khai báo cấu hình tại hệ thống trung tâm để thu thập số liệu đo đếm từ xa; Trang bị các máy tính chủ, máy tính trạm, các phần mềm phục vụ Thị trường điện tại các Nhà máy.

Công tác đào tạo cán bộ tham gia thị trường điện: Tất cả các lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật chuyên trách đều đã được tham gia lớp đào tạo và được cấp chứng chỉ hoàn thành về vận hành thị trường điện do Cục điều tiết điện lực tổ chức.

Toàn bộ các Trưởng ca vận hành của các nhà máy đều được đào tạo và cấp chứng chỉ đủ điều kiện làm trưởng ca do Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ. Toàn bộ các điều hành viên đều đã được tham gia lớp đào tạo vận hành viên và trưởng ca do Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia tổ chức đào tạo.



5.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty thực hiện rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy phạm vận hành sửa chữa theo định kỳ nhằm bảo đảm hiệu quả công việc. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, theo định kỳ các thiết bị, đảm bảo các tổ máy của Nhà máy thủy điện Khe Bó, Bắc Bình và Nậm Mả luôn luôn sẵn sàng vận hành với khả năng tối ưu.

Rà soát danh mục, chủng loại các vật tư dự phòng cần thiết tối thiểu cho quá trình sản xuất điện của các Nhà máy. Thực hiện mua sắm trước đối với những vật tư thiết yếu hoặc những vật tư có nguy cơ hư hỏng (phát hiện khi kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị) để sẵn có vật tư thay thế khi sửa chữa thường xuyên hoặc khi có sự cố xảy ra.

Các Nhà máy thuộc Công ty CPPT điện lực Việt Nam đang vận hành, duy tu bảo dưỡng theo quy trình, điều độ như các Nhà máy của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), cụ thể:

Công tác vận hành:

Tại các Nhà máy vận hành theo chế độ 3 ca, 4 kíp. Các điều hành viên được đào tạo chuyên ngành tại các trường dạy nghề tài Việt Nam, bồi huấn công tác vận hành tại các Nhà máy điện trong EVN trước khi được tham gia vận hành thiết bị Nhà máy. Các trưởng Ca vận hành được đào tạo chính quy chuyên ngành và được Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0) kiểm tra cấp chứng nhận trước khi tham gia vận hành.

Các Nhà máy điện đều phải xây dựng đầy đủ, hệ thống các qui trình qui phạm trước khi vận hành và thực hiện nghiêm túc các qui trình, qui phạm trong vận hành nhà máy.

Công tác duy tu bảo dưỡng:

Công tác chuẩn bị: hàng năm Công ty duyệt và tổ chức mua sắm vật tư thiết bị dự phòng cho các Nhà máy để đảm bảo rút ngắn tối đa thời gian sửa chữa, dừng máy.

Công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị nhà máy thủy điện (hay còn gọi là công tác sửa chữa lớn (SCL) được thực hiện theo Quyết định số 447/QĐ-EVN-HĐQT ngày 07/12/2004 và lập kế hoạch SCL theo qui định Quyết định số 08/QĐ-ĐTĐL ngày 14/3/2013 của Cục điều tiết điện lực. Công tác SCL bao gồm các hình thức: Trung tu và Đại tu:

- Công tác trung tu được thực hiện giữa 02 lần đại tu với thời gian thực hiện không vượt quá 40% thời gian đại tu tổ máy
- Công tác đại tu thực hiện theo chu kỳ 4-6 năm/ lần với thời gian thực hiện không vượt quá 45 ngày/tổ máy

Ngoài các hình thức SCL trên, tùy theo tình trạng thiết bị, điều kiện vận hành Công ty còn thực hiện công tác tiểu tu: được thực hiện hàng năm, thời gian thực hiện 10 – 15 ngày/tổ máy và công tác sửa chữa thường xuyên được thực hiện tại các thời điểm dừng tổ máy.

Việc thực hiện SCL các tổ máy là bắt buộc để bảo đảm vận hành an toàn, liên tục và kéo dài tuổi thọ của thiết bị. Trong thời gian thực hiện SCL, tổ máy được dừng theo kế hoạch do Trung tâm Điều độ HTĐ Quốc gia (A0) phê duyệt, thời gian này hầu như không ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty do thời gian dừng máy được A0 lựa chọn vào thời điểm mua



khô của năm và không thực hiện SCL 2 tổ máy trong cùng thời điểm nên vẫn tận dụng tối đa lượng nước về hồ thủy điện

Để thực hiện công tác SCL, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đăng ký kế hoạch SCL với các cơ quan quản lý tuân theo qui định Quyết định số 08/QĐ-ĐTĐL ngày 14/3/2013 của Cục điều tiết điện lực. Sau khi nhận được kế hoạch SCL với từng tổ máy, các NM lập phương án SCL bao gồm các phương án kỹ thuật, dự trù nhân lực, vật tư thiết bị sửa chữa, dự phòng và trang thiết bị, dụng cụ trình cơ quan Công ty xem xét phê duyệt. Phương án – dự toán SCL được VNPD duyệt trước ít nhất 3 tháng và thực hiện hoàn thành mua sắm VTTB và trang bị dụng cụ trước khi đưa tổ máy vào sửa chữa ít nhất một tháng. Từ khi Công ty đưa các tổ máy phát điện vào vận hành, thời gian dừng tổ máy để SCL của VNPD thường hoàn thành trước thời gian qui định do A0 phê duyệt đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật theo phương án phê duyệt

5.6 Logo của công ty



5.7 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9. Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Số Hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá HD (VNĐ)	Thời gian thực hiện Hợp đồng
1	10/2017/HĐ-EVNICT-VHMN	TRUNG TÂM VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN- CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	28/3/2017	Quản lý, vận hành, bảo dưỡng các thiết bị cung cấp kênh truyền Scada, hotline, wan thị trường Điện cho NMTĐ Bắc Bình	131.136.148	Một năm tính từ thời điểm ngày 28/3/2017
2	03/2017/HĐ/ETC1-VNPD	CÔNG TY TNHH MTV THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN BẮC	30/3/2017	Kiểm định định kỳ hệ thống đo đếm điện năng NMTĐ Nậm Má	24.485.349	Bắt đầu: Kể từ ngày ký hợp đồng. Kết thúc: 19/4/2017.
3	04/2017/HĐMB-VNPD	TRUNG TÂM VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN- CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	3/4/2017	Cung cấp, lắp đặt Thiết bị phục vụ hợp trực tuyến Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (Giai đoạn 1)	695.603.835	60 ngày tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4	05/2017/HĐTB-VNPD	CÔNG TY TNHH TIẾN PHÁT	28/4/2017	Cung cấp các thiết bị phục vụ sửa chữa tổ máy H2 năm 2017- Thủy điện Nậm Má	98.626.000	15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
5	06/2017/HĐXL-VNPD	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG HOÀNG ANH	8/5/2017	Thi công Gói thầu Xây lắp sửa chữa kênh dẫn nước	818.321.651	- Thời gian bắt đầu: Từ khi hợp đồng có hiệu lực, bên B nhận tiền tạm ứng của bên A. - Thời gian hoàn thành toàn bộ gói thầu sau 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng và nhận được tiền tạm ứng, nhận bàn giao mặt bằng.

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

**Bảng 10. Danh sách các hợp đồng bán hàng**

STT	Số Hợp đồng	Tên khách hàng	Ngày ký Hợp đồng	Nội dung Hợp đồng	Trị giá hợp đồng	Giá trị HĐ (đ/kWh)	Thời gian thực hiện Hợp đồng	Ghi chú
1	07/2012/HĐ-NMĐ-VNPD (Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02 ngày 24/6/2016)	TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	12/07/2012	MUA BÁN ĐIỆN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BẮC BÌNH	Không xác định	Giá bán điện theo mùa: Mùa mưa từ 1/7 đến 30/9 là 595 đ/kWh; Mùa khô từ 1/10 đến 30/6 năm sau là 808 đ/kWh;	Từ 01/8/2013 đến hết thời hạn hợp đồng	Hiện nay công ty đang đàm phán giá bán điện theo quy trình liên hồ chứa với giá bán điện chưa bao gồm thuế Tài nguyên nước và phí môi trường rừng từ 1/1/2018 đến hết đời dự án là: 905,39 đ/kWh
2	06/2013/HĐ-NMĐ-VNPD (Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 04 ngày 29/8/2017)	TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	20/06/2013	MUA BÁN ĐIỆN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN KHE BỒ	Không xác định	965,37 đ/kWh	Từ 1/5/2017 đến hết đời dự án	
3	151/EVN NPC-B9	TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM	6/2002 và được hiệu chỉnh vào 02/03/2015	MUA BÁN ĐIỆN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NĂM MÁ	Không xác định	Giá bán điện theo chi phí tránh được do Cục Điều tiết Điện lực-Bộ Công thương ban hành hàng năm	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại (năm 2002)	

(*) Giá bán điện chưa bao gồm thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng)

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 11. Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2015, 2016 và 9 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm	9 tháng đầu năm 2017
1. Tổng giá trị tài sản	Đồng	2.877.032.928.256	2.703.753.246.571	6,0%	2.725.475.218.772
2. Vốn chủ sở hữu	Đồng	1.103.011.282.020	1.107.699.239.615	0,4%	1.233.729.591.228
3. Doanh thu thuần	Đồng	440.635.451.231	448.743.607.239	1,8%	446.386.808.466



4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	45.491.840.637	57.469.565.465	26,3%	150.125.517.942
5. Lợi nhuận khác	Đồng	(317.296.377)	(87.606.364)	72,4%	(759.602.949)
6. Lợi nhuận trước thuế	Đồng	45.174.544.260	57.381.959.101	27,0%	149.365.914.993
7. Lợi nhuận sau thuế	Đồng	43.378.137.691	55.987.637.226	29,1%	129.635.955.450
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	115,26%	91,53%	-23,73%	-
9. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	3,9%	5,1%	30,8%	10,51%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015, 2016 và BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Kết quả sản xuất của Công ty 02 năm gần đây đều đạt kết quả tốt. Các tỷ suất đánh giá về hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đều tăng lên đáng kể so với năm 2015, cho thấy hiệu quả SXKD đã tăng lên rõ rệt. Điều này chủ yếu là do các tháng cuối năm 2016, tình hình thủy văn có nhiều thuận lợi, lượng nước về các hồ Bản Vẽ và Đại Ninh nhiều nên các tổ máy của Nhà máy Thủy điện Khe Bó và Nhà máy Thủy điện Bắc Bình được huy động chạy nhiều làm cho sản lượng điện tăng lên, dẫn đến doanh thu tăng lên so với năm 2015.

6.1 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- » Thuận lợi duy nhất của Công ty cho kết quả SXKD là Công ty đã và đang được hưởng ưu đãi về Thuế TNDN đối với khoản thu nhập từ Nhà máy thủy điện Khe Bó (được miễn thuế trong năm 2015 và 2016, được giảm 50% trong 07 năm tiếp theo) và Nhà máy thủy điện Bắc Bình (được miễn thuế 3 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo kể từ năm bắt đầu đi vào hoạt động là năm 2009 – ưu đãi đến hết 2016).

Khó khăn

- » Diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới và trong nước đã ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình hoạt động của các đơn vị sản xuất nói chung và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các Công ty nói riêng.
- » Năm 2016 do ảnh hưởng của El Nino gây hạn hán, lượng mưa ít. Nhà máy thủy điện Khe Bó trong các tháng 7,8 và Nhà máy thủy điện Bắc Bình trong các tháng 4, 5, 8, 9 lượng nước về hồ ít nên sản lượng đạt rất thấp so với trung bình nhiều năm.
- » Về lãi suất vay để đầu tư các Nhà máy điện cũng làm ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Công ty: Nguồn vốn để Công ty đầu tư các Nhà máy điện chủ yếu là từ vốn vay nên chi phí lãi vay là khá lớn.



7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1 Vị thế của công ty trong ngành

Theo Lộ trình quy định tại Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, thị trường điện tại Việt Nam sẽ phát triển từ cấp độ phát điện cạnh tranh sang cấp độ bán buôn điện cạnh tranh và cuối cùng là bán lẻ điện cạnh tranh. Trong thị trường phát điện cạnh tranh mới có khoảng trên 50% số lượng các nhà máy điện tham gia thị trường tuy nhiên sang thị trường bán buôn, hầu hết các đơn vị phát điện sẽ tham gia chào giá trên thị trường. Đặc biệt, tất cả 5 tổng công ty điện lực và các khách hàng lớn đủ điều kiện sẽ có cơ hội tham gia thị trường điện bán buôn, được tự do lựa chọn đối tác ký hợp đồng hoặc mua bán điện trên thị trường điện giao ngay. Thị trường cạnh tranh hiện nay đã tạo rất nhiều động lực cho Công ty phát triển để nâng cao vị thế trong ngành.

Ngoài ra, với việc là đơn vị liên kết của Tổng Công ty Phát điện 1, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty có nhiều lợi thế và thuận lợi phát triển trong ngành. Tính đến hết năm 2016, tổng công suất đặt của hệ thống điện Việt Nam là 41.424 MW. Trong đó, công suất nguồn điện do EVN và các tổng công ty phát điện trực thuộc sở hữu là 26.164 MW (chiếm tỷ lệ 63,16% toàn hệ thống), công suất các nguồn ngoài EVN là 15.260 MW (chiếm 36,84%). Trong đó, sản lượng điện thương phẩm của Công ty năm 2016 là 461.600.627 kWh. Điều đó cho thấy rằng, VPD đang hoạt động hiệu quả trong thị trường cung cấp điện hiện nay với phương hướng tập trung vào thủy điện.

Công ty có Nhà máy Thủy điện Khe Bô là nhà máy thủy điện thuộc Nhóm I (trên 100MW) (62 Nhà máy) và Nhà máy thủy điện Bắc Bình thuộc Nhóm 3 (19 nhà máy) theo Quyết định số 82/QĐ – ĐTĐL của Cục điều tiết Điện lực về việc ban hành danh sách các nhà máy phát điện tham gia thị trường phát điện cạnh tranh năm 2017 và được đánh giá là doanh nghiệp tầm trung trong các doanh nghiệp ngành thủy điện.

Công suất các nhà máy thủy điện trên toàn quốc



STT	Tên nhà máy thủy điện	Công suất đặt (MW)	STT	Tên nhà máy thủy điện	Công suất đặt	STT	Tên nhà máy thủy điện	Công suất
I	Nhóm I (Trên 100 MW)		II	Nhóm II		III	Nhóm III	
1	Sơn La	2400	1	Cửa Đạt	97	1	Sông Bung 4A	49
2	Hoà Bình	1920	2	Bắc Hà	90	2	Chiêm Hóa	48
3	Lai Châu	1200	3	Buôn Tua Srah	86	3	Nho Quế 2	48
4	Ialy	720	4	Nậm Na 3	84	4	Đăk Mít 3	45
5	Huội Quảng	520	5	Thái An	82	5	Bình Điền	44
6	Trị An	400	6	Hương Điền	81	6	Nậm Mức	44
7	Sê San 4	360	7	Bá Thước 2	80	7	Sông Bạc	42
8	Tuyên Quang	342	8	Srêpok 4	80	8	Chi Khê	41
9	Đồng Nai 4	340	9	Cần Đơn	78	9	Nậm Phàng	36
10	Bản Vẽ	320	10	Đam'Bri *	75	10	Bắc Bình	34
11	Hàm Thuận *	300	11	Ngòi Phát	72	11	Đa Dâng 2	34
12	Đại Ninh	300	12	Sông Hình	70	12	Sử Pán 2	34
13	Buôn Kuốp	280	13	Vĩnh Sơn	66	13	Nậm Pàn 5	34
14	Sê San 3	260	14	Nậm Na 2	66	14	Nậm Toóng	34
15	Trung Sơn	260	15	Krông H'nh	64	15	Hương Sơn	33
16	Srêpok 3	220	16	Quảng Trị	64	16	Nậm Chiến 2	32
17	Sông Ba Hạ	220	17	Srêpok 4A	64	17	Nho Quế 1	32
18	Bản Chát	220	18	Sông Côn 2	63	18	Mường Hum	32
19	A Vương	210	19	Sê San 4A	63	19	Kanak	13
20	Đak Mít 4 (4A, 4B và 4C) *	208	20	Tà Thàng *	60			
21	Nậm Chiến 1	200	21	Bá Thước 1	60			
22	Sông Tranh 2	190	22	Sông Bung 5 *	57			
23	Đồng Nai 3	180	23	Văn Chấn	57			
24	Hủa Na	180	24	Srok Phu Miêng	51			
25	Đa Mít *	175						
26	A Lưới	170						
27	An Khê	160						
28	Đa Nhim	160						
29	Sông Bung 4	156						
30	Thác Mơ	150						
31	Đồng Nai 5	150						
32	Đakr'tih	144						
33	Đakđrinh	125						
34	Thác Bà	120						
35	Nho Quế 3	110						
36	Sê San 3A	108						
37	Khe Bô *	100						
62	Pleikrông	100						

(Theo Quyết định số 82/QĐ-ĐTĐL ngày 23/12/2016 của Cục điều tiết điện lực Ban hành danh sách nhà máy điện tham gia thị trường phát điện cạnh tranh trong năm 2017)

Nhà máy thủy điện Khe Bô là dự án quan trọng nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến 2025 (gọi tắt là Quy hoạch Điện VII) được Thủ tướng chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg ban hành ngày 18/8/2007. Đây là dự án trọng điểm trong ngành công nghiệp năng lượng trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Bên cạnh đó, các nhà máy thủy điện Nậm Mả, Bắc Bình, Khe Bô còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc giảm thiểu thiếu hụt lượng điện trên cả nước hiện nay.



7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Về nhu cầu:

Ngành điện hiện nay vẫn đang là ngành có nhu cầu lớn. Tình trạng thiếu điện tại Việt Nam vẫn thường xuyên diễn ra, đặc biệt là vào mùa khô khi các dự án thủy điện thiếu nước. Bên cạnh đó, với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư các nhà máy điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn tương đối thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Tuy nhiên, việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án. Do đó, Ngành điện trong tương lai gần có rất nhiều triển vọng và cơ hội đầu tư.

Theo Quy hoạch điện VII, nhu cầu điện toàn quốc được dự báo sẽ tăng bình quân gần 10%/năm trong giai đoạn từ nay đến năm 2020; 7,2-8,1% trong giai đoạn 10 năm tiếp theo. Quá trình rà soát và cập nhật tiềm năng, trữ lượng tài nguyên và khả năng cung cấp nhiên liệu cho phát điện cho thấy, các nguồn điện năng hiện tại sẽ được khai thác tối đa và thiếu hụt so với nhu cầu. Sau năm 2020, Việt Nam sẽ chuyển thành nước nhập khẩu năng lượng lớn và mức độ phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu. Hiện nay, điện mặt trời cũng được xác định là một nguồn đáng kể.

Về triển vọng điều chỉnh giá bán điện:

Hiện nay giá bán lẻ điện bình quân của Việt Nam hiện ở mức 1.622,01 đồng/kWh (chưa có VAT) (tương đương 7,7 cent/kWh) hiện đang thấp hơn so với khu vực (bình quân trên 10 cent/kWh). Do đó, trong tương lai giá bán điện có khả năng sẽ được chính phủ cho phép tăng nhằm mục tiêu hoàn thiện quá trình xây dựng thị trường điện cạnh tranh và khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực điện năng.

Năm 2016 Công ty đã trình Tổng Cục Năng lượng hiệu chỉnh lại điện lượng bình quân nhiều năm của Nhà máy thủy điện Khe Bó do ảnh hưởng của Quy trình vận hành liên hồ chứa. Đến thời điểm này Tổng cục Năng lượng đã phê duyệt hiệu chỉnh điện lượng bình quân nhiều năm của Nhà máy thủy điện Khe Bó. Công ty đã hoàn thành việc đàm phán về giá bán điện với EVN, theo đó giá bán điện của Công ty cho EVN từ 1/5/2017 đến hết đời sống kinh tế của dự án là 965,37 đồng, tăng 35,43% so với giá điện bình quân năm 2016. Giá này chưa bao gồm phí môi trường rừng, thuế tài nguyên nước và thuế VAT.

Giá mua bán điện của NMTĐ Bắc Bình có hiệu lực đến năm 2019. Tuy nhiên, từ đầu năm 2016 NMTĐ Bắc Bình phải vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa trên sông Đồng Nai được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Do ảnh hưởng của Quy trình vận hành liên hồ chứa và theo đề nghị của Công ty, Bộ Công Thương đã có văn bản số 11773/BCT-TCNL ngày 07/12/2016 thống nhất giá trị sản lượng trung bình năm (Eo) của NMTĐ Bắc Bình khi vận hành theo Quy trình vận hành liên hồ chứa là 99,2 triệu kWh. Đồng thời, theo đề nghị của Công ty, Bộ Công Thương đã có văn bản số 830/BCT-ĐTĐL ngày 03/2/2017 về giá điện của nhà máy thủy điện Bắc Bình khi vận hành theo QTLHC trên lưu vực sông Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã có văn bản số 173/VNPD-KTKH+TCKT+KT ngày 24/2/2017 gửi EVN đề nghị đàm phán lại giá điện NMTĐ Bắc Bình khi vận hành theo quy trình liên hồ chứa. Hiện nay mức giá điện điều chỉnh đang trong quá trình phê duyệt tại Tập đoàn điện lực. Dự kiến giá bán điện của NMTĐ Bắc Bình sẽ có hiệu lực từ 1/1/2018 đến hết đời sống kinh tế của dự án.



Giá mua bán điện của NMTĐ Nậm Mả, công ty đã ký kết hợp đồng mua bán điện với Tổng Công ty điện lực miền Bắc có hiệu lực trong vòng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại (6/2002) và được hiệu chỉnh giá kể từ tháng 3/2015 theo giá chi phí tránh được theo mùa, theo giờ.

Về mức độ tham gia ngành và triển vọng xây dựng thị trường điện cạnh tranh:

Với đặc thù của ngành sản xuất điện, chi phí đầu tư vào vận hành các nhà máy sản xuất điện khá lớn nhưng giá điện thương phẩm còn khá thấp nên rào cản gia nhập thị trường cao. Do đó, đối tượng tham gia thị trường sản xuất điện tại Việt Nam chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Tổng công ty/ Tập đoàn công nghiệp nặng khác. Việc đầu tư vào ngành điện gần đây được khuyến khích và hỗ trợ rất nhiều từ Chính phủ với nhiều phương án cụ thể như: Hỗ trợ nguồn vốn vay có lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế, hỗ trợ từ chính sách thuế và đầu tư, hỗ trợ giá nguyên liệu đầu vào và điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường...

7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, Đảng và Nhà nước dành sự quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực phát triển ngành năng lượng quốc gia. Theo chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 của Chính phủ, mục tiêu dài hạn của ngành năng lượng là phải đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, góp phần bảo đảm giữ vững an ninh, quốc phòng và phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ của đất nước; cung cấp đầy đủ năng lượng với chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội; khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng trong nước; đa dạng hóa phương thức đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực năng lượng, hình thành và phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh lành mạnh; phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững ngành năng lượng đi đôi với bảo vệ môi trường. Như vậy, với phương châm “năng lượng phải đi trước một bước”, ngành năng lượng phải đảm bảo cung cấp đủ các yêu cầu về điện, than, các loại hình nhiên liệu khác, làm tiền đề vững chắc cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước.

Cùng với đó, xu hướng kêu gọi đầu tư từ nước ngoài phải được hỗ trợ đặc lực bởi ngành điện lực. Có năng lượng chất lượng cao mới hy vọng công nghiệp đạt kết quả tốt. Chính vì vậy, việc thực hiện chính sách cạnh tranh trong ngành điện lực là bước đi quan trọng để nâng cao chất lượng trong ngành, giúp ngành năng lượng trở thành một trong những yếu tố gọi mời các nhà đầu tư nước ngoài tới thị trường Việt Nam.

Hiện nay, điện mặt trời cũng được xác định là một trong những nguồn năng lượng tái tạo đáng kể. Ngày 11/4/2017, Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2017 – 30/6/2019.

Theo Quyết định này, dự án điện mặt trời được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án; thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ sản xuất của dự án là nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được. Các dự án điện mặt trời, công trình đường dây và trạm biến áp để đấu nối với lưới điện được miễn, giảm tiền sử dụng đất,



tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước theo quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư. Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án nổi lưới với giá mua điện tại điểm giao nhận điện là 2.086 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, tương đương 9,35 Uscents/kWh). Giá bán điện được điều chỉnh theo biến động của tỷ giá đồng/USD. Giá điện này chỉ áp dụng cho các dự án nổi lưới có hiệu suất của tế bào quang điện (Solar cell) lớn hơn 16% hoặc module lớn hơn 15%.

Vì vậy để tận dụng mặt bằng hiện có của Thủy điện Bắc Bình. Trong chiến lược trung và dài hạn, Công ty sẽ nghiên cứu lập Báo cáo đầu tư nhà máy năng lượng điện mặt trời để xem xét tính khả thi. Trường hợp có hiệu quả kinh tế, Công ty sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông để xin phép triển khai đầu tư.

Với những định hướng trên của Nhà nước, xu hướng phát triển của Ngành, hoạt động kinh doanh hiện tại và các dự án trong tương lai của Công ty là phù hợp.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm 30 tháng 09 năm 2017, tổng số CBCNV toàn Công ty là: 136 lao động, cụ thể:

Bảng 12. Số lượng lao động của Công ty

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó						Lao động khoán
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Phục vụ	
1	Văn phòng Công ty	44	6	30	2	0	3	1	2
2	Nhà máy thủy điện Nậm Má	14	0	5	7	1	0	0	1
3	Ban QLDA thủy điện Khe Bó	2	0	2	0	0	0	0	
4	Nhà máy thủy điện Khe Bó	43	0	17	21	3	2	0	
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	33	0	14	9	6	2	0	2
	Tổng cộng:	136	6	68	39	10	7	1	5
	Tỷ lệ:		4%	50%	29%	7%	5%	1%	4%

Nguồn: Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam



8.2 Chính sách lao động

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: 8h/ngày và 40h/tuần.

Đối với nhân viên hành chính làm việc từ 8h00 đến 12h00 và 13h đến 17h00.

Đối với công nhân vận hành thiết bị trong dây chuyền sản xuất làm việc theo lịch 3 ca – 4 kíp.

Nghỉ phép, lễ, tết: Nhân viên Công ty được nghỉ theo đúng quy định của Nhà nước.

Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt.

Quy chế lương, thưởng, phúc lợi của Công ty

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động nhất là lao động có chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty.

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người lao động cho hiệu quả chung của Công ty theo Quy chế cụ thể được công bố tới từng CBCNV.

Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: Trên cơ sở sản lượng điện hoàn thành trong tháng, báo cáo suất sự cố của đơn vị, CBCNV trực tiếp vận hành sửa chữa được trả lương theo năng lực, hiệu quả công việc và vận hành an toàn điện theo quy định.

Đối với công nhân viên gián tiếp: Căn cứ theo công việc và trình độ, năng lực và hiệu quả công việc.

Căn cứ vào doanh thu, năng lực và hiệu quả công việc của nhân viên, Công ty xem xét và áp dụng các chế độ thưởng vào cuối năm như: Thưởng đối với cá nhân hoặc các phòng ban có thành tích xuất sắc,...

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh điện, vấn đề an toàn trong lao động sản xuất là một yếu tố luôn được Công ty chú trọng đặt lên hàng đầu. Công ty đã ban hành các quy trình, quy định có liên quan đến việc đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động như: Quy định về vệ sinh an toàn lao động, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy định về thực hành tốt 5S. Ngoài ra Công ty còn duy trì hàng năm việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động toàn Công ty, trang bị đầy đủ đồ bảo hộ cho công nhân và nhân viên vận hành tại các Nhà máy và công trường cũng như thường xuyên tổ chức hướng dẫn và theo dõi công tác an toàn lao động tại nơi sản xuất, phổ biến các quy định về an toàn lao động và an toàn phòng chống cháy nổ.

Chính sách đào tạo

Công ty đã bố trí cho CBCNV tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Phát điện I và một số cơ quan có liên quan tổ chức, cụ thể như sau:



- Lớp đào tạo nghệ thuật lãnh đạo;
- Lớp đào tạo cán bộ quản lý;
- Lớp đào tạo các kỹ năng mềm;
- Tập huấn công tác thực thi văn hóa doanh nghiệp;
- Đào tạo, bồi dưỡng chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội;
- Đào tạo “Quản lý môi trường”;
- Khóa tập huấn pháp luật năm 2016;
- Đào tạo tập huấn về Thị trường phát điện cạnh tranh;
- Lớp đào tạo hệ thống điện Việt Nam và đặc điểm đầu nối các nhà máy điện thuộc Tổng Công ty Phát điện I và Hệ thống điện Quốc gia;
- Tổ chức huấn luyện an toàn phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão cho CBCNV vận hành của các nhà máy;
- Đào tạo văn bằng 2 hệ thống điện và một số chuyên môn nghiệp vụ khác cho một số CBCNV của nhà máy cho phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh điện;
- Cử CBCNV tham gia lớp tập huấn cập nhật chế độ kế toán mới, các chế độ, chính sách về lao động, tiền lương do Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Phát điện I tổ chức...

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan.

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ và bù đắp hết lỗ trước đó theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xét đến kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ trả cổ tức chi trả cho cổ đông qua các năm như sau:

Bảng 13. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2014, 2015 và 2016

Năm	Tỷ lệ cổ tức được ĐHĐCĐ thông qua	Tỷ lệ cổ tức đã chi trả	Hình thức
2014	5%	5%	Tiền mặt
2015	5%	5%	Tiền mặt



2016	5,97%	5,97%	Tiền mặt
Dự kiến 2017	8%	-	Tiền mặt

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, 2016, 2017

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Phương tiện vận tải	08 – 10
Máy móc, thiết bị. Trong đó:	05 – 20
- Tổ máy chính thiết bị cơ điện	20
- Tổ máy chính máy biến áp	15
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Quyền sử dụng đất	66
Phần mềm kế toán và TSCĐ vô hình khác	03 – 10

Mức lương bình quân

Mức thu nhập của người lao động bình quân của Công ty bình quân tính đến 30/9/2017 là 13.315.387 đồng/nhân viên. Với mức lương hiện tại, cùng với các chế độ đãi ngộ khác, Công ty tự tin thu hút được nguồn lao động chất lượng đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đúng hạn khi các hồ sơ, chứng từ đáp ứng yêu cầu của hợp đồng.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế TNDN, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, tiền thuê đất và các loại thuế khác phải nộp theo quy định của nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên hàng năm. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ đề trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng năm.



Năm 2016, Công ty chỉ thực hiện đầu tư các hạng mục thiết yếu, ảnh hưởng đến công tác sản xuất điện, giá trị công tác đầu tư phát triển là 387.333.184 đồng, đạt 7,52% kế hoạch năm.

Bảng 14. Trích lập quỹ của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Quỹ đầu tư phát triển	12.670.770.579	13.502.533.333	11.068.256.211
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.516.521.993	2.989.877.231	2.117.479.097
	Tổng cộng	20.187.292.572	16.492.410.564	13.185.735.308

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2015,2016; BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Đầu tư tài chính

Bảng 15. Danh sách đầu tư tài chính của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Đơn vị	31/12/2015		31/12/2016		30/9/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	1.950.000.000	(750.597.372)	1.950.000.000	-	1.950.000.000	-
Tổng cộng	1.199.402.628		1.950.000.000		1.950.000.000	

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2015,2016; BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Năm 2014 và 2015 VNPD thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần thủy điện Cẩm Sơn là do kết quả kinh doanh ghi nhận trên Báo cáo tài chính năm 2014 của Cẩm Sơn phát sinh lỗ (không phải là lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) và tổng số vốn đầu tư thực tế của các bên cao hơn tổng giá trị vốn chủ sở hữu thực có của Công ty CP thủy điện Cẩm Sơn.

Năm 2016 và 9 tháng đầu năm 2017 VNPD không thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính do kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần thủy điện Cẩm Sơn có lãi và không phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính theo quy định.

**Tổng dư nợ vay****Bảng 16. Danh sách tổng dư nợ vay**

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/9/2017
1	Vay và nợ vay ngắn hạn	262.494.716.045	196.418.205.638	283.912.989.526
2	Vay và nợ vay dài hạn	1.265.287.847.917	1.190.294.813.495	1.072.993.316.886
	Tổng cộng	1.527.782.563.962	1.386.713.019.133	1.356.906.306.412

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016; BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Cụ thể dư nợ vay theo từng ngân hàng tại thời điểm 30/9/2017 như sau:

Bảng 17. Danh sách dư nợ vay chi tiết của công ty

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Số có khả năng trả nợ (Đồng)	Mục đích vay	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Tài sản đảm bảo
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	283.912.989.526	283.912.989.526				
Vay ngắn hạn	14.812.989.526	14.812.989.526				
* Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	14.812.989.526	14.812.989.526	Bổ sung vốn lưu động thanh toán các chi phí đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh, lương công nhân, thuế tài nguyên,		12 tháng kể từ ngày 15/6/2017	Bất động sản thuộc sở hữu của công ty Tiền gửi



			phí môi trường và vật tư			
* Ngân hàng An Bình - CN Hà Nội - PDG Đông Anh	-	-	Thanh toán tiền mua TSCĐ, bổ sung vốn lưu động	Quy định trong từng giấy nhận nợ	12 ngày, kể từ ngày 30/6/2017 12/7/2017	Chứng chỉ tiền gửi
Vay dài hạn đến hạn trả	269.100.000.000	269.100.000.000				
* Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	13.000.000.000	13.000.000.000	Dự án thủy điện Khe Bó	9,2%/năm 12 tháng đầu tiên, Từ năm thứ 2 trở đi Lãi suất cơ sở+2,8%/năm	10 năm kể từ ngày 16/1/2017	Tài sản thuộc dự án thủy điện Khe Bó
* Ngân hàng PT Nghệ An	217.000.000.000	217.000.000.000	Dự án thủy điện Khe Bó	8,4%/năm	12 năm 9 tháng kể từ ngày 23/9/2008	Tài sản thuộc dự án thủy điện Khe Bó
* BIDV CN Tây Hồ	18.000.000.000	18.000.000.000	Dự án thủy điện Khe Bó	Lãi suất cơ sở+2,8%/năm	10 năm kể từ ngày 1/10/2015	Tài sản thuộc dự án thủy điện Khe Bó
* TPBank - CN Tây Hà Nội	21.100.000.000	21.100.000.000	Dự án thủy điện Bắc Bình	Lãi suất cơ sở+2,8%/năm	60 tháng kể từ 22/12/2015	Tài sản thuộc dự án thủy điện Bắc Bình
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.072.993.316.886	1.072.993.316.886				
* Ngân hàng PT Nghệ An	736.466.301.476	736.466.301.476	Dự án thủy điện Khe Bó	8,4%/năm	12 năm 9 tháng kể từ ngày 23/9/2008	Tài sản thuộc dự án thủy điện



						Khe Bó
* BIDV CN Tây Hồ	193.200.000.000	193.200.000.000	Dự án thủy điện Khe Bó	Lãi suất cơ sở+2,8%/năm	10 năm kể từ ngày giải 1/10/2015	Tài sản thuộc dự án thủy điện Khe Bó
* TPBank - CN Tây Hà Nội	70.680.796.960	70.680.796.960	Dự án thủy điện Bắc Bình	Lãi suất cơ sở+2,8%/năm	60 tháng kể từ ngày 22/12/2015	Tài sản thuộc dự án thủy điện Bắc Bình
* Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	72.646.218.450	72.646.218.450	Dự án thủy điện Khe Bó	9,2%/năm 12 tháng đầu tiên, Từ năm thứ 2 trở đi Lãi suất cơ sở+2,8%/năm	10 năm kể từ ngày 16/1/2017	Tài sản thuộc dự án thủy điện Khe Bó
	1.356.906.306.412	1.356.906.306.412				

Nguồn: BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Do đặc thù của ngành nghề sản xuất kinh doanh, đòi hỏi nhu cầu về vốn rất lớn. Ngoài nguồn vốn tự có, Công ty huy động từ nguồn vốn vay để thanh toán cho các Nhà thầu thực hiện thi công xây dựng các dự án. Do đó, tỷ lệ nợ của Công ty chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn. Mặc dù vậy, công ty hoàn toàn đảm bảo được khả năng thanh toán bằng nguồn doanh thu từ bán điện đều đặn hàng tháng. Khi các nhà máy thủy điện Khe Bó, Bắc Bình và Nậm Mả hoàn tất mọi hạng mục xây dựng và đi vào hoạt động ổn định, công ty sẽ có thêm nguồn để giảm tỷ lệ nợ vay trên tổng nguồn vốn, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tình hình công nợ hiện nay

» Các khoản phải thu

Bảng 18. Danh sách các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

STT	Các khoản phải thu	31/12/2015	31/12/2016	30/9/2017
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.427.919.686	41.340.067.292	77.833.582.453
1.1	Công ty mua bán điện	26.817.401.635	39.491.480.439	75.897.052.357
1.2	Các khoản phải thu khách hàng khác	2.610.518.051	1.848.586.853	1.936.530.096
2	Trả trước cho người bán	56.748.580.942	38.554.928.509	48.665.719.732
2.1	Hội đồng bồi thường Huyện Tương Dương (*)	51.366.202.147	36.735.068.507	46.729.189.636
2.2	Các đối tượng khác	5.382.378.795	1.819.860.002	1.936.530.096



3	Phải thu nội bộ	-	-	-
4	Các khoản phải thu khác	9.556.434.628	9.211.405.590	9.600.000.125
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-
	Tổng cộng	95.732.935.256	89.106.401.391	136.099.302.310

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016; BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Các khoản phải thu tính đến 30/9/2017 tăng mạnh so với thời điểm 1/1/2017 do khoản phải thu từ tiền mua bán điện chưa thanh toán tăng cao. Lý do là vì trong giai đoạn đó, Công ty chưa hoàn tất việc đàm phán về giá bán điện của Thủy điện Khe Bô với Tập đoàn điện lực Việt Nam nên chưa nhận được thanh toán cho sản lượng điện Quý II/2017. Tính đến hiện tại, Công ty đã hoàn thành việc đàm phán về giá bán điện với EVN, theo đó giá bán điện của Công ty cho EVN từ 1/5/2017 đến hết đời sống kinh tế của dự án là 965,37 đồng, tăng 35,43% so với giá điện bình quân năm 2016. Giá này chưa bao gồm phí môi trường rừng, thuế tài nguyên nước và thuế VAT.

() Liên quan đến hội đồng bồi thường huyện Tương Dương:*

- Mục đích bồi thường: Xây dựng nhà máy thủy điện Khe Bô
- Tổng số quyết định bồi thường từ năm 2008 đến năm 2017: 240 Quyết định
- Tổng số tiền phải bồi thường theo các Quyết định (30/9/2017): 256.017.131.787 đồng
- Tổng số đã chi trả (30/9/2017): 239.886.291.101 đồng

Công ty không trực tiếp chi trả bồi thường mà tạm ứng tiền và ủy quyền cho Hội đồng bồi thường huyện Tương Dương để thực hiện bồi thường. Số dư Trả trước cho người bán Khoản mục bồi thường huyện Tương Dương tại 30/9/2017 (46.729.189.636 đồng) là khoản tiền mà Công ty ứng trước để Hội đồng bồi thường thực hiện đền bù và bồi thường giải phóng mặt bằng theo các Quyết định đền bù của UBND Huyện Tương Dương. Khi quyết toán với Hội đồng bồi thường trên số thực tế đã chi trả, công ty sẽ điều chỉnh lại số liệu tạm ứng cho Hội đồng bồi thường huyện Tương Dương.

» Các khoản phải trả

Bảng 19. Danh sách các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

ST T	Các khoản phải trả	31/12/2015	31/12/2016	30/09/2017
1	Nợ ngắn hạn	410.196.976.119	371.042.192.826	399.249.677.105
1.1	Vay và nợ ngắn hạn	262.494.716.045	196.418.205.638	283.912.989.526
1.2	Phải trả người bán	114.261.181.177	137.871.180.833	63.228.898.464
1.3	Người mua trả trước	102.460.000	102.460.000	102.460.000
1.4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.225.750.714	8.583.542.266	30.939.752.304
1.5	Phải trả công nhân viên	3.655.237.034	7.018.744.821	1.255.980.214
1.6	Chi phí phải trả	3.119.543.709	1.977.748.667	3.877.329.739
1.7	Phải trả nội bộ	-	-	-



1.8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
1.9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.821.565.447	16.080.433.370	13.814.787.761
1.10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
1.11	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.516.521.993	2.989.877.231	2.117.479.097
2	Nợ dài hạn	1.363.824.670.117	1.225.011.814.130	1.092.495.950.439
2.1	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
2.2	Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-
2.3	Phải trả nội bộ	98.536.822.200	34.717.000.635	19.502.633.553
2.4	Vay và nợ dài hạn	1.265.287.847.917	1.190.294.813.495	1.072.993.316.886
2.5	Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
	Tổng cộng	1.774.021.646.236	1.596.054.006.956	1.491.745.627.544

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016; BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Tổng nợ phải trả năm 2016 giảm 177,967 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 10,03%. Trong đó nợ dài hạn giảm 138,812 tỷ tương ứng tỷ lệ giảm 10,18%, nợ ngắn hạn giảm 39,154 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 9,55%. Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu là do các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 66,076 tỷ tương ứng với tỷ lệ giảm 25,17% là do số gốc vay đã trả trong năm. Đến hết 9 tháng đầu năm 2017, tổng nợ tiếp tục giảm xuống chỉ còn 1.491 tỷ đồng.

Tính đến hiện tại, Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu. Các khoản nợ phải trả, Công ty đều có khả năng thanh toán trong tương lai.

Số dư các khoản phải trả bằng ngoại tệ của Công ty là nhỏ, do đó ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm là không đáng kể.

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 20. Danh sách các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	DVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,37	0,4
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,36	0,4
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	61,70%	59,00%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	160,80%	149,10%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	92,3	106,49



(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,15	0,16
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,1	0,12
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,04%	5,07%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,45%	2,01%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,1	0,13

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016

Về cơ cấu nguồn vốn: Công ty đang có xu hướng chuyển dịch tăng nguồn vốn chủ sở hữu trong cơ cấu tổng nguồn vốn, cụ thể: tại 01/01/2016 Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu đạt 160,8%, tại 31/12/2016 giảm xuống còn 149,1% do việc phát hành cổ phiếu tăng vốn trong các năm 2015 để đạt đủ số vốn 1.000 tỷ theo đăng ký kinh doanh.

Về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đều nhỏ hơn 1, do đặc thù ngành nghề kinh doanh của công ty là sử dụng vốn vay lớn và tài sản cố định (các nhà máy thủy điện) chiếm tỷ trọng lớn trong danh mục tổng tài sản. Tuy nhiên, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tỷ trọng nợ dài hạn, và với kế hoạch tài chính rõ ràng, công ty hoàn toàn có thể đảm bảo khả năng thanh toán bằng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Về hiệu quả: Các tỷ suất đánh giá về hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2016 đều tăng lên đáng kể so với năm 2015, cho thấy hiệu quả SXKD đã tăng lên rõ rệt. Điều này chủ yếu là do các tháng cuối năm 2016, tình hình thủy văn có nhiều thuận lợi, lượng nước về các hồ Bản Vẽ và Đại Ninh nhiều nên các tổ máy của Nhà máy Thủy điện Khe Bô và Nhà máy Thủy điện Bắc Bình được huy động chạy nhiều làm cho sản lượng điện tăng lên, dẫn đến doanh thu tăng lên so với năm 2015.

11. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Hội đồng Quản trị

Bảng 21. Danh sách hội đồng quản trị

STT	Họ tên	CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Tùng	011372396	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Khóa	023665370	Thành viên
3	Nguyễn Văn Thịnh	142469165	Thành viên
4	Khuất Quang Mậu	001060002436	Thành viên

❖ ÔNG: NGUYỄN THANH TÙNG - CHỦ TỊCH HĐQT

- Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG
- Số CMND: 011372396; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp 31/05/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1962
- Nơi sinh: Hà Tây



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà B1- CO3 Splendor, KĐT Bắc An Khánh, An Khánh , Hoài Đức, Hà Nội
- Nơi ở hiện nay: Nhà B1- CO3 Splendor, KĐT Bắc An Khánh, An Khánh , Hoài Đức, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131580
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Công trình thủy điện, thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Tháng 10/1986 đến tháng 7/2002: Công tác tại Đoàn thiết kế 1 - Công ty Tư vấn xây dựng điện 1, làm Tổ trưởng tổ thiết kế thi công và dự toán, phó chủ nhiệm thiết kế thủy điện Đại Thị (sau đổi tên là Tuyên Quang) giai đoạn tiền khả thi, Chủ nhiệm đề án thiết kế thủy điện Nale (sau đổi tên là Bắc Hà).
 - + Từ tháng 7/2002 đến tháng 11/2002: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện Sơn La, làm Phó phòng kỹ thuật.
 - + Từ tháng 11/2002 đến tháng 2/2004: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Trưởng phòng kỹ thuật.
 - + Từ tháng 02/2004 đến tháng 01/2008: Công tác tại Ban quản lý dự án thủy điện 1, làm Phó Trưởng ban quản lý dự án thủy điện 1, phó bí thư chi bộ.
 - + Từ tháng 02/2008 đến tháng 4/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - + Từ tháng 4/2012 đến 10/2014: Thành viên HĐQT chuyên trách, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - + Từ tháng 10/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Phát điện I: 22.535.906 cổ phần, chiếm 22,988% Vốn Điều lệ
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 601.418 cổ phần, chiếm 0,587% Vốn Điều lệ



- Người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Trần Thị Thu Thủy (vợ): 15.638 cổ phần, chiếm 0,015% Vốn Điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **ÔNG: NGUYỄN VĂN KHÓA - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN KHOÁ**
- Số CMND: 023665370 do CA TP. Hồ Chí Minh cấp 02/11/2012
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/03/1953
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 89/17 Đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. HCM.
- Chỗ ở hiện tại: 89/17 Đường Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Tp. HCM
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :):
 - + Từ 1975-1979: Đội trưởng xây dựng Công ty XD Hải Phòng
 - + Từ 1979-1985: Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 4-Tổng Công ty XD số 1 TP.HCM
 - + Từ 1985-1991: Phó Giám đốc Công ty XD thủy điện Trị An- Tổng Công ty XD số 1
 - + Từ 1991 – tháng 4/2006 Giám đốc Công ty XD Miền Đông – Tổng Công ty XD số 1
 - + Từ tháng 4/2006-12/2014: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Miền Đông.
 - + Từ 12/2014 đến nay: Đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc.
 - + Từ 06/2002 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam



- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tuần Lộc: 12.665.463 cổ phần, chiếm 12,357% Vốn Điều lệ
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 378 cổ phần, chiếm 0,000369% Vốn Điều lệ
- Người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không

❖ **ÔNG: NGUYỄN VĂN THỊNH - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN THỊNH**
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 20.10.1962
- Nơi sinh: Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 142469165 Ngày cấp: 06/01/2006 tại Công an Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Chỗ ở hiện tại: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành Quản trị kinh doanh quốc tế
- Quá trình làm việc:
 - + Từ 1986- 1999: Kỹ thuật viên Phân xưởng vận hành 1
 - + Từ 1999-2010: Quản đốc phân xưởng Phân xưởng vận hành 1
 - + Từ T8/2010-nay: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
 - + Từ 21/04/2012- nay: Thành viên HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện vốn cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại: 10.876.594 cổ phần, chiếm 10,612% Vốn Điều lệ
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không



- Người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không

❖ **ÔNG: KHUẤT QUANG MẬU - THÀNH VIÊN HĐQT**

- Họ và tên: **KHUẤT QUANG MẬU**
- Số CMND: 001060002436; Ngày cấp: 12/11/2014; Nơi cấp: Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/8/1960
- Nơi sinh: Thị xã Sơn Tây, TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà 1303-CT1, đường Trần Văn Lai, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Nơi ở hiện nay: Nhà 1303-CT1, đường Trần Văn Lai, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác :
 - + Từ 1986 đến 1991: Công tác tại Công ty Xây lắp thủy điện Hoàng Liên Sơn
 - + (Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật, Trưởng ban chỉ huy công trường, Đội trưởng đội xây lắp đường dây và Trạm biến áp)
 - + Từ 1991 đến 1993: Công tác tại Sở Thủy lợi Lào Cai (Chức vụ: Phó trưởng phòng thủy nông)
 - + Từ 1993 đến 1998: Công tác tại Sở Điện lực Lào Cai (Chức vụ: Phụ trách thiết kế phòng Kỹ thuật)
 - + Từ 1998 đến 2008: Công tác tại Điện lực tỉnh Lào Cai (Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức Lao động, Chủ tịch Công đoàn Điện lực tỉnh Lào Cai)
 - + Từ 2008 đến 2014: Công tác tại cơ quan Công đoàn Điện lực Việt Nam (Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng, Chánh Văn phòng, Phó Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam)



- + Từ 02/10/2014 - nay: Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công đoàn Điện lực Việt Nam
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Công đoàn Điện lực Việt Nam: 3.327.982 cổ phần, chiếm 3,247% Vốn Điều lệ
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Khuất Thị Minh Phương (Con gái) 23.575 cổ phiếu, chiếm 0,023% Vốn Điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

11.2 Ban Tổng Giám đốc

Bảng 22. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ tên	CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Tùng	011372396	Tổng Giám đốc
2	Phạm Đình Lê	030078000112	Phó Tổng Giám đốc

❖ **ÔNG: NGUYỄN THANH TÙNG - TỔNG GIÁM ĐỐC KIÊM CHỦ TỊCH HĐQT**
(Trích ngang như trên)

❖ **ÔNG: PHẠM ĐÌNH LÊ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Họ và tên: **PHẠM ĐÌNH LÊ**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/01/1978
- Số CMND: 030078000112; Nơi cấp: CA Hà Nội; Ngày cấp: 09/9/2014
- Nơi sinh: Lam Sơn, Thanh Miện, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh



- Quê quán: xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: P405, N1 Chung cư Z157, Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất công trình
- Quá trình công tác:
 - + Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
 - + Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON
 - + Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lý dự án Thủy điện 1
 - + Từ tháng 01/3/2007 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC- Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP
 - + Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên phòng kỹ thuật-Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
 - + Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó phòng Kỹ thuật- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
 - + Từ 31/10/2013 – 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
 - + Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 205 cổ phần, chiếm 0,0002% Vốn Điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

**11.3 Ban kiểm soát****Bảng 23. Danh sách Ban kiểm soát**

STT	Họ tên	CMND	Chức vụ
1	Trần Thị Minh Trung	034171000007	Trưởng ban
2	Hồ Quang Hải	100120089	Thành viên
3	Nguyễn Thị Tuyết	042167000002	Thành viên
4	Trần Tấn Nhật	023462542	Thành viên
5	Đình Thị Diễm Quỳnh	141854078	Thành viên

❖ BÀ: TRẦN THỊ MINH TRUNG - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: **TRẦN THỊ MINH TRUNG**
- Giới tính: Nữ
- Sinh ngày: 30/6/1971
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND số: 034171000007; Ngày cấp: 20/12/2012; Nơi cấp: Hà Nội
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 3224- VP5- Hồ Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 3224- VP5- Hồ Linh Đàm, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - + Từ 8/1996-7/2001: Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Thái Bình;
 - + Từ 8/2001-10/2001: Viện châm cứu Việt Nam;
 - + Từ 11/2001-12/2002: Phòng TCKT Công ty đầu tư TMDV Ngân hàng;
 - + Từ 1/2003-1/2004: Phòng TCKT Trung tâm TVXD Điện 1 Công ty XL Điện 1;
 - + Từ 2/2004- 31/7/2015: Chuyên viên Phòng TCKT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam;
 - + Từ 01/8/2015 – 18/4/2016: Phó phòng TCKT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam;
 - + Từ 19/4/2016 – đến 22/4/2016: Văn phòng HĐQT Công ty CPPT Điện lực Việt Nam.
 - + Từ 23/4/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát.



- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Những người có liên quan: Không

❖ **ÔNG: HỒ QUANG HẢI - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

- Họ và tên: **HỒ QUANG HẢI**
- Giới tính: Nam
- Sinh ngày: 05.8.1960
- Nơi sinh: Lào Cai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 100120089; Cấp ngày 16/5/2009; Nơi cấp: Quảng Ninh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà CT4-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: Nhà CT4-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế thương mại
- Quá trình công tác:
 - + 5/1978 – 5/1982: Nơi làm việc: Quân đội – Chức vụ: Trung đội phó -Thượng sỹ
 - + 8/1982 – 11/1987: Công nhân sửa chữa Cơ Nhiệt, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 12/1987 – 11/1993: Thống kê Vật tư – Xe, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 12/1993 – 6/1997: Cán bộ thanh quyết toán Công trình Xây lắp Điện, Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí
 - + 7/1997 – 3/2003: Cán bộ phòng Kế hoạch, Dự án, Đấu thầu – Nhà máy nhiệt điện Uông Bí
 - + 4/2003 – 5/2008: Cán bộ phòng Tài chính – Kế toán, Nhà máy Nhiệt Điện Uông Bí
 - + 5/2008 – 10/2009: Thư ký Giám đốc, Công ty Nhiệt điện Uông Bí
 - + 10/2009 – 6/2010: Phó trưởng phòng tổng hợp Chuẩn bị sản xuất, Công ty Nhiệt điện Uông Bí



- + 7/2010 – 31/12/2012: Kiểm soát viên Công ty, Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Uông Bí
- + 1/1/2013 đến nay: Phó Trưởng ban Thanh tra, Bảo vệ và Pháp chế, Tổng Công ty Phát điện 1
- + 1/1/2015 – nay: Trưởng ban kiểm soát nội bộ, Tổng Công ty Phát điện 1
- + Từ 25/05/2013 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát nội bộ thuộc Tổng Công ty Phát điện 1

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát.

- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10.250 cổ phần, chiếm 0,010% Vốn Điều lệ

- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không

❖ **BÀ NGUYỄN THỊ TUYẾT**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ TUYẾT**

- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 03/3/1967

- Nơi sinh: Xã Trường Lộc, huyện Can lộc, tỉnh Hà Tĩnh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Giấy CMND số: 042167000002 ; Ngày cấp: 16/10/2012; Nơi cấp: Hà Nội

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2205, Chung cư M2M4, Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Chỗ ở hiện tại: HS204, Đường Hoa Sữa 2, Vinhomes Riverside, Phường Phúc Lợi, Quận Long Biên, TP Hà Nội.

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học

- Quá trình công tác:

+ 04/1988-05/1991: Kế toán tại Liên Hiệp HTXMB Huyện Can Lộc, Hà Tĩnh;

+ 06/1991-09/1995: Kế toán tổng hợp tại Công ty Giống cây trồng thuộc Sở Nông nghiệp Hà Tĩnh;



- + 10/1995-09/1999: Phó Trưởng phòng nghiệp vụ I tại Cục Quản lý vốn và TSNN tại Doanh nghiệp Hà Tĩnh thuộc Bộ Tài chính;
- + 10/1999-07/2009: Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Công sản tại Sở Tài chính Hà Tĩnh, Chủ tịch công đoàn ngành Tài chính Hà Tĩnh, Bí thư Chi bộ Giá công sản;
- + 08/2009-03/2012: Phó phòng Tài chính kế toán tại Công ty Lưới điện cao thế miền Bắc thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Bắc;
- + 04/2012-02/2013: CV Ban chính sách Pháp luật tại Công đoàn Điện lực Việt Nam;
- + 03/2013- 9/2015: Phó chủ nhiệm UBKT tại Công đoàn Điện lực Việt Nam;
- + 01/10/2015 – Nay: Chủ nhiệm UBKT tại Công đoàn Điện lực Việt Nam;
- + Từ 23/04/2016- nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ nhiệm UBKT tại Công đoàn Điện lực Việt Nam.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 60.851 cổ phiếu, chiếm 0,059% Vốn Điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

❖ **BÀ ĐÌNH THỊ ĐIỂM QUỲNH**

- Họ và tên: **ĐÌNH THỊ ĐIỂM QUỲNH**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04 tháng 01 năm 1981
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 141.854.078 cấp ngày 5/01/2006 tại Công an Hải Dương
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Phả Lại - Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương.
- Chỗ ở hiện tại: Phường Phả Lại - Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế hoạch
- Quá trình công tác:
- + Từ tháng 1/2003- tháng 5/2006: Phòng Kế hoạch Vật tư thuộc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- + Từ tháng 5/2006 đến nay: Phòng Tài chính Kế toán thuộc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.



- + Từ 24/04/2015- nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ **ÔNG TRẦN TẤN NHẬT**
- Họ và tên: **TRẦN TẤN NHẬT**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/01/1982
- Nơi sinh: Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 023462542 cấp ngày 07/12/2010 tại Tp.HCM.
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 540 Ba Tháng Hai, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM.
- Chỗ ở hiện tại: P.1206 Chung cư HUD, 159 Điện Biên Phủ, P.15, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
- + 2005 – 8/2010: Chuyên viên tư vấn TCDN Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt - CN TPHCM;
- + 9/2010 – 9/2012: Phó phòng tư vấn TCDN Công cổ phần chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín;
- + 10/2012- 2/2015: Phó phòng tư vấn TCDN Công cổ phần chứng khoán Dầu khí;
- + 3/2015 – nay: Phó phòng Đầu tư Công cổ phần Đầu tư xây dựng Tuần Lộc
- + Từ 21/04/2017 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CPPT Điện lực Việt Nam
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó phòng Đầu tư Công cổ phần Đầu tư xây dựng Tuần Lộc.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không



- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

11.4 Kế toán trưởng: NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG

- Họ và tên: **NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG**
- Số CMND: 111309363 do CA Hà Nội cấp ngày 06/02/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/3/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Lao – Hoài Đức – Hà Tây (Hà Nội)
- Địa chỉ thường trú: Phố Yên Bình – phường Phúc La – Hà Đông – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04.22131577
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 9/1999 - 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thủy điện Sơn La.
 - + Từ 11/2002 – 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATEĐ I.
 - + Từ 3/2006 – 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thủy điện I.
 - + Từ 5/2008 – 7/2008: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán VNPD.
 - + Từ 8/2008 – 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán VNPD.
 - + Từ 01/2014 – 7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán VNPD.
 - + Từ 7/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty VNPD.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần thủy điện Cẩm Sơn.



- Số cổ phần đại diện sở hữu: Không.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu: Không.
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở Công ty khác: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích có liên quan đối với Công ty: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

12. Tài sản

Tình hình tài sản cố định của công ty

Bảng 24. Danh sách tài sản cố định

Đơn vị tính: đồng

STT	Tài sản	31/12/2016		30/09/2017	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Tài sản cố định hữu hình	3.354.083.185.971	2.543.849.190.971	3.357.444.103.223	2.411.224.465.008
1.1	Nhà cửa vật kiến trúc	1.661.594.508.907	1.325.615.831.083	1.661.594.508.907	1.268.370.393.004
1.2	Máy móc, thiết bị	1.682.616.144.632	1.214.034.557.247	1.682.616.144.632	1.136.110.702.111
1.3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.314.574.213	4.107.014.113	12.041.690.706	6.066.034.728
1.4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	557.958.219	91.788.528	1.191.758.978	677.335.165
2	Tài sản vô hình	4.160.111.334	3.643.345.336	4.160.111.334	3.591.134.185
2.1	Quyền sử dụng đất	3.857.548.229	3.522.656.755	3.857.548.229	3.486.775.528
2.2	Phần mềm kế toán	210.748.515	120.688.581	210.748.515	104.358.657
2.3	TSCĐ vô hình khác	91.814.590	-	91.814.590	-

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2016 và BCTC 9 tháng đầu năm 2017

Bảng 25. Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

TT	Tên khu đất	Mô tả khu đất	Văn bản pháp lý	Diện tích (m ²)	Tình trạng sử dụng đất
I	TẠI VĂN PHÒNG CƠ QUAN CÔNG TY				



1	Căn hộ 308 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P.Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486025 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	106	xây dựng văn phòng làm việc
2	Căn hộ 307 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P.Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486024 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	140	xây dựng văn phòng làm việc
3	Căn hộ 306 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P.Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486023 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	68	xây dựng văn phòng làm việc
4	Căn hộ 305 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P.Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486022 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	100	xây dựng văn phòng làm việc
5	Căn hộ 304 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P.Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486021 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	100	xây dựng văn phòng làm việc
6	Căn hộ 303 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P.Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486020 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	68	xây dựng văn phòng làm việc
7	Căn hộ 302 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P.Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486019 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	140	xây dựng văn phòng làm việc



8	Căn hộ 301 Nhà CT1 Khu nhà ở dịch vụ TM Nàng Hương, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội	Sàn chung cư trên đất ở đô thị, thời gian sử dụng đất lâu dài. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 486018 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	106	xây dựng văn phòng làm việc
II TÀI SẢN TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN BẮC BÌNH					
1	Thửa đất số 3 tờ bản đồ số 529 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất thương mại, dịch vụ, sử dụng riêng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 19/2/2064. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 911173 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	13,694.9	xây dựng nhà máy thủy điện
2	Thửa đất số 4 tờ bản đồ số 529 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất trồng cây lâu năm. Thời hạn sử dụng đến hết ngày tháng 1/2048 (50 năm). Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất, không thu tiền sử dụng đất	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 911172 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	46.1	Trồng cây
3	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 204 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617789 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	31,107.4	xây dựng nhà máy thủy điện
4	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 207 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617790 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	1,135.7	xây dựng nhà máy thủy điện
5	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 206 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617791 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	1,370.0	xây dựng nhà máy thủy điện



6	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 205 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617793 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	371.7	xây dựng nhà máy thủy điện
7	Thửa đất số 2 tờ bản đồ số 205 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617794 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	1,320.7	xây dựng nhà máy thủy điện
8	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 460 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617795 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	748.7	xây dựng nhà máy thủy điện
9	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617796 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	100.0	xây dựng nhà máy thủy điện
10	Thửa đất số 2 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617798 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	90.3	xây dựng nhà máy thủy điện
11	Thửa đất số 3 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617799 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	100.0	xây dựng nhà máy thủy điện



12	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 86 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617808 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	269,405.4	xây dựng nhà máy thủy điện
	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 152 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm		216,420.2	
13	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 124 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617809 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	67,939.1	xây dựng nhà máy thủy điện
14	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 130 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617810 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	76,796.0	xây dựng nhà máy thủy điện
15	Thửa đất số 1 tờ bản đồ số 115 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617811 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	58,294.9	xây dựng nhà máy thủy điện
16	Thửa đất số 4 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617812 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	36.0	xây dựng nhà máy thủy điện
17	Thửa đất số 5 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617813 do	64.0	xây dựng nhà máy thủy



		hàng năm	UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.		điện
18	Thửa đất số 6 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617814 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	29.2	xây dựng nhà máy thủy điện
19	Thửa đất số 7 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617815 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	90.3	xây dựng nhà máy thủy điện
20	Thửa đất số 8 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617816 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	29.2	xây dựng nhà máy thủy điện
21	Thửa đất số 9 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617817 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	90.3	xây dựng nhà máy thủy điện
22	Thửa đất số 10 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617818 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	100.0	xây dựng nhà máy thủy điện
23	Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617819 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	90.3	xây dựng nhà máy thủy điện



24	Thửa đất số 12 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617820 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	90.3	xây dựng nhà máy thủy điện
25	Thửa đất số 2 tờ bản đồ số 459 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617821 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	60.8	xây dựng nhà máy thủy điện
26	Thửa đất số 13 tờ bản đồ số 203 Xã Sông lũy, huyện Bắc Bình, Bình Thuận	Đất công trình năng lượng. Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/2/2076. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BY 617823 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp.	90.3	xây dựng nhà máy thủy điện
III	TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN KHE BỒ				
1	Thửa đất số 612, tờ bản đồ số 01, Xã Tam Quang, Tương Dương, Nghệ An	Đất công trình năng lượng thời hạn sử dụng đến 08/8/2057. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BI 716518 do UBND Tỉnh Hà Nội cấp.	673,497.0	Xây dựng nhà máy thủy điện
IV	TẠI NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẠM MÁ				
1	Thửa đất số 01, tờ bản đồ trích đo số 01-2012, Xã Cao Bồ, Vị Xuyên, Hà Giang	Đất công trình năng lượng ;thời hạn sử dụng đến 14/7/2058. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 132604 do UBND Tỉnh Hà Giang cấp.	67,210.0	Xây dựng nhà máy thủy điện
2	Thửa đất số 02, tờ bản đồ trích đo số 01-2012, Xã Cao Bồ, Vị Xuyên, Hà Giang	Đất công trình năng lượng ;thời hạn sử dụng đến 14/7/2058. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 132605 do UBND Tỉnh Hà Giang cấp.	2,160.0	Xây dựng nhà máy thủy điện



3	Thửa đất số 03, tờ bản đồ trích đo số 01-2012, Xã Cao Bồ, Vị Xuyên, Hà Giang	Đất công trình năng lượng ;thời hạn sử dụng đến 14/7/2058. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 132606 do UBND Tỉnh Hà Giang cấp.	2,480.0	Xây dựng nhà máy thủy điện
4	Thửa đất số 04, tờ bản đồ trích đo số 01-2012, Xã Cao Bồ, Vị Xuyên, Hà Giang	Đất công trình năng lượng ;thời hạn sử dụng đến 14/7/2058. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 132607 do UBND Tỉnh Hà Giang cấp.	4,800.0	Xây dựng nhà máy thủy điện
5	Thửa đất số 05, tờ bản đồ trích đo số 01-2012, Xã Cao Bồ, Vị Xuyên, Hà Giang	Đất công trình năng lượng ;thời hạn sử dụng đến 14/7/2058. Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận quyền SDD quyền SH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 132608 do UBND Tỉnh Hà Giang cấp.	1,040.0	Xây dựng nhà máy thủy điện

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 26. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 – 2018

TT	Nội dung KH	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện 2016	KH năm 2017	KH năm 2018
1	Sản lượng điện thương phẩm	KWh	461.600.627	511.711.670	504.887.630
1.1	Thủy điện Nậm Má	KWh	10.858.641	11.000.000	
1.2	Thủy điện Bắc Bình	KWh	90.808.894	93.565.800	97.741.760
1.3	Thủy điện Khe Bó	KWh	359.933.092	407.145.870	407.145.870
2	Đầu tư xây dựng:	Đồng	81.993.492.583	79.650.704.212	272.171.000
3	Doanh thu:	Đồng	450.995.577.845	508.726.076.746	584.210.552.337
3.1	Doanh thu sản xuất điện:	Đồng	448.743.607.239	506.966.076.746	525.800.552.337
3.2	Doanh thu, thu nhập khác:	Đồng	2.251.970.606	1.760.000.000	58.410.000.000
4	Chi phí:	đồng	393.613.618.744	402.769.962.326	388.705.489.550
5	Sửa chữa lớn:	Đồng	345.201.111	1.427.004.398	445.317.756
6	Sửa chữa thường xuyên:	Đồng	908.626.822	1.218.471.500	1.115.637.556
7	Mua sắm VTTB dự phòng:	Đồng	470.448.800	568.685.500	625.554.050



8	Lợi nhuận sau thuế:	Đồng	55.987.673.226	93.843.667.606	167.462.849.000
9	Cổ tức	%	5,97%	8,0%	9.0%

Nguồn: Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Bảng 27. Một số chỉ tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2017 – 2021

Nội dung KH	Đơn vị tính	KH năm 2017	KH năm 2018	KH năm 2019	KH năm 2020	KH năm 2021
Sản lượng điện thương phẩm:	Triệu kWh	511.712	504.888	504.888	543.833	641.826
Giá trị ĐTXD, ĐT phát triển	Tỷ đồng	79.651	141.400	759.400	690.200	311.000
Tổng Doanh thu	Triệu đồng	508,726.077	584,210.552	527,260.552	570,143.131	762,552.387
Chi phí	Triệu đồng	402,769.962	388,705.490	366,964.282	391,068.720	571,325.447
Lợi nhuận sau thuế:	Triệu đồng	93,843.668	167,462.849	141,484.646	158,873.747	170,071.791
Cổ tức		8%	9%	9%	10%	11%

Nguồn: Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Theo BCTC 9 tháng đầu năm 2017, doanh thu thuần của Công ty trong 9 tháng đầu năm 2017 đã đạt hơn 446 tỷ đồng, đạt 88% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt hơn 129,6 tỷ đồng, đạt 138,7% kế hoạch. Với đặc thù do mảng kinh doanh chính mang lại thì doanh thu của công ty khá ổn định nên việc công ty vượt kế hoạch kinh doanh năm 2017 là một dấu hiệu tích cực cho sự phát triển của công ty.

Kế hoạch đầu tư toàn Công ty là: 79.650.704.212 đồng. Gồm:

Dự án thủy điện Bắc Bình:

Tiến hành đầu tư hạng mục Đường vận hành lên TĐA, Cửa lấy nước; Cây xanh và hòn non bộ-Khu nhà máy; Bố trí cây xanh và cảnh quan Nhà máy; Hoàn thiện hệ thống đo đếm điện năng; Đầu tư hệ thống Scada ngăn lộ 171 Đại Ninh-Bắc Bình với giá trị là: 10.324.284.212 đồng.

Dự án thủy điện Khe Bó:

- Đầu tư xây dựng khu nhà ở và làm việc của CBCNV nhà máy.
- Gia cố mái sân tiêu năng bờ phải.
- Nạo vét, xử lý hạ thấp mực nước hạ lưu kênh xả Nhà máy. Công việc này đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2016, năm 2017 sẽ tiếp tục thực hiện.



- Thực hiện mua sắm thiết bị xưởng cơ khí phục vụ vận hành.
- Thực hiện các công việc còn lại của công tác đền bù, di dân, tái định cư của dự án.
- Tiếp tục triển khai công tác quyết toán và hoàn thành vào năm 2017.

Tổng giá trị ĐTXD là: 56.041.420.000 đồng.

Nghiên cứu dự án đầu tư mới: 4.000.000.000 đồng.

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2016 phê duyệt thì Công ty phải tìm kiếm 01 dự án điện mới để khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư. Công ty đã triển khai tìm kiếm dự án đã thực hiện khảo sát thiết kế lập dự án đầu tư dự án sông Luồng. Năm 2017, Công ty tiếp tục nghiên cứu dự án thủy điện sông Luồng.

Đề tận dụng mặt bằng hiện có của Thủy điện Bắc Bình – tỉnh Bình Thuận, năm 2017 Công ty sẽ nghiên cứu lập Báo cáo đầu tư nhà máy năng lượng mặt trời. Năm 2017 chi phí cho dự án điện mặt trời với giá trị khoảng 2.000.000.000 đồng.

Chuyển trụ sở làm việc của Công ty:

Trong năm 2017 Công ty tiếp tục hoàn thiện trang bị nội thất dự kiến khoảng 5.000.000.000 đồng.

Đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển:

Dự kiến năm 2017 công tác đầu tư phát triển là 4.285.000.000 đồng

Cần cứ để đạt kế hoạch kinh doanh

Nhóm giải pháp về công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo và chăm lo đời sống của CBCNV:

- Trong năm 2017-2018 Công ty sẽ nghiên cứu, cơ cấu lại tổ chức của các nhà máy điện, văn phòng Công ty theo hướng quản lý tập trung tại văn phòng Công ty, chuyển đổi dần mô hình nhà máy thành các phân xưởng vận hành nhằm tinh giảm biên chế bộ máy hành chính và hoạt động hiệu quả. Trước mắt trong năm 2017, tiến hành rà soát lại định biên của các phòng, ban Công ty và các đơn vị để đưa ra khỏi bộ máy các nhân sự làm việc kém hiệu quả và bổ sung các nhân sự có năng lực trình độ đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ SXKD. Hoàn thiện hệ thống KPIs, qui chế phân phối tiền lương để trả lương đúng người, đúng việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao. Nghiên cứu các chính sách đãi ngộ đối với lực lượng nòng cốt góp phần thu hút, xây dựng lực lượng lao động chuyên môn, kỹ thuật cao để phát triển Công ty bền vững.
- Tổ chức triển khai thi đánh giá chất lượng đối với cán bộ chuyên môn nghiệp vụ làm cơ sở phân loại lao động để có cơ sở rà soát, sắp xếp lại định biên của các phòng, ban Công ty, các đơn vị và đánh giá, trả lương trả thưởng cho phù hợp với kết quả lao động của từng người.
- Tiếp tục triển khai đào tạo chuyên môn hệ thống điện văn bằng 2 cho CBCNV hệ kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị nhằm đáp ứng công tác SXKD điện theo đề án tổ chức đã được duyệt. Tổ chức cho CBCNV tham gia các lớp học bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thủy điện ngắn hạn. Tổ chức các khóa học tập kinh nghiệm quản lý để nâng cao kiến thức quản lý và điều hành.
- Hoàn thiện và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của Công ty nhằm nâng



cao hiệu quả công tác quản lý điều hành của công ty.

Thực hiện sâu rộng qui tắc ứng xử văn hóa EVNGENCO1, văn hóa doanh nghiệp trong CBCNV nhằm xây dựng hình ảnh đẹp cũng như uy tín của Công ty trong xã hội.

- Áp dụng phần mềm ERP theo chỉ đạo của EVNGENCO1.
- Triển khai thực hiện tốt 5S từ Công ty đến các đơn vị.
- Hưởng ứng và phát động các phong trào thi đua SXKD do EVNGENCO1 và Công ty tổ chức. Đẩy mạnh công tác phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chú trọng công tác vệ sinh, an toàn lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và SXKD điện an toàn hiệu quả. Tích cực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV Công ty.

Nhóm giải pháp đối với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy trình, quy phạm vận hành, sửa chữa.
- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên, theo định kỳ các thiết bị, đảm bảo các tổ máy của Nhà máy thủy điện Khe Bó, Bắc Bình và Nậm Má luôn luôn sẵn sàng vận hành với khả năng tối ưu.
- Rà soát danh mục, chủng loại các vật tư dự phòng cần thiết tối thiểu cho quá trình sản xuất điện của các Nhà máy. Thực hiện mua sắm trước đối với những vật tư thiết yếu hoặc những vật tư có nguy cơ hư hỏng (phát hiện khi kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị) để sẵn có vật tư thay thế khi sửa chữa thường xuyên hoặc khi có sự cố xảy ra.
- Thực hiện tốt công tác chào giá điện của Nhà máy thủy điện Bắc Bình và Nhà máy thủy điện Khe Bó.
- Thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí do EVNGenco1 giao.

Nhóm giải pháp đối với nhiệm vụ ĐTXD:

- Nhà máy Khe Bó:
 - + Hoàn thành thi công các hạng mục: Sạt trượt bờ phải và cơ sở hạ tầng TĐC còn lại.
 - + Xây dựng trụ sở làm việc và nơi ở cho CBCNV nhà máy.
 - + Tập trung hoàn thành công tác quyết toán công trình và các hạng mục Tái định cư đã hoàn thành.
- Nhà máy Bắc Bình: Hoàn thành thi công đường vận hành lên tháp điều áp và xuống cửa nhận nước phun vẩy gia cố mái đá nhà máy.

Nhóm giải pháp về việc đàm phán giá bán điện theo chính sách mới:

- Năm 2017 Công ty sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán điều chỉnh giá bán điện của Nhà máy thủy điện Khe Bó và Nhà máy thủy điện Bắc Bình với công ty Mua Bán Điện.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là doanh nghiệp có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua cùng với dự báo về triển vọng phát triển ngành trong những năm sắp tới, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty trong năm tới là phù hợp và khả thi nếu như không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình đưa ra quyết định đầu tư. Công ty cổ phần Chứng khoán FPT không sở hữu bất kỳ cổ phiếu nào của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

15.1. Về việc chi trả cổ tức năm 2017

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 417/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2017 của công ty đã thông qua kế hoạch trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2017 của công ty là 8%. Hiện tại công ty chưa thực hiện chi trả hoặc tạm ứng cổ tức năm 2017 cho cổ đông. Công ty cam kết sẽ thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông đúng trong thời hạn quy định tại điều 132 Luật doanh nghiệp trong năm 2018 sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua mức chi trả cổ tức năm 2017.

15.2. Về bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Điều lệ công ty: “Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới ngày phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực”.

Ngày 24/10/2017 Tổng Công ty phát điện 1 có văn bản số 268/QĐ-EVNGENCO1 gửi Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam về việc “*Thôi cử người đại diện vốn của EVNGENCO1 tại Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam*” và văn bản số văn bản số 269/QĐ-EVNGENCO1 về việc “*Cử người đại diện vốn của EVNGENCO1 tham gia quản lý, điều hành tại Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam*”. Trên cơ sở đó, ngày 25/11/2017, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã họp và ra Nghị quyết số 1261/NQ-VNPD-HĐQT về việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Tiến Khoa và bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tạm thời là ông Nguyễn Tùng Phương – hiện là Kế toán trưởng công ty.

Hiện nay theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty đại chúng có hiệu lực và Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 6/11/2017 đã không đề cập tới vấn đề tạm thời thay thế thành viên Hội đồng quản trị. Đồng thời qua định về vấn đề này tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 quy định về quản trị công ty đại chúng đã hết hiệu lực.

Công ty cam kết:



1. Tiến hành thủ tục Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Sửa đổi Điều lệ Công ty, cụ thể sửa đổi khoản 5 Điều 26 Điều lệ Công ty phù hợp với Điều 156 Luật doanh nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty đại chúng tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phiếu
3. **Tổng số chứng khoán niêm yết:** 102.493.098 cổ phiếu
4. **Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.**

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, *Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ;*

Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết như sau:

Bảng 28. Danh sách hạn chế chuyển nhượng chi tiết

ST T	Tên cá nhân/Tổ chức	Tổng số CP sở hữu	Số cp bị hạn chế chuyển nhượng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Nguyễn Thanh Tùng	601.418	601.418	0,587%	100% số cổ phiếu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo
2	Nguyễn Văn Khóa	378	378	0,000%	
3	Phạm Đình Lê	205	205	0,000%	
4	Hồ Quang Hải	10.250	10.250	0,010%	
5	Nguyễn Thị Tuyết	60.851	60.851	0,059%	
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	12.665.463	12.665.463	12,357%	
7	Công Ty Cổ Phần Nhiệt Điện Phả Lại	10.876.594	10.876.594	10,612%	
Tổng cộng		24.215.159	24.215.159	23,626%	

Nguồn: Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

5. Xếp hạng tín nhiệm

Chưa có.



6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến trong phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu VPD trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh được tính bằng bình quân có trọng số của 3 phương pháp sau:

- » Phương pháp giá thị trường: bình quân giá đóng cửa 20 phiên giao dịch liên tiếp cuối cùng của cổ phiếu VPD trước khi hủy đăng ký giao dịch trên sàn Upcom.
- » Phương pháp xác định giá trị sổ sách (*gọi tắt là phương pháp BV*);
- » Phương pháp so sánh chỉ số giá cổ phiếu / giá trị sổ sách mỗi cổ phần P/BVbq (*gọi tắt là phương pháp P/BVbq*).

Trong đó:

Phương pháp giá thị trường:

Bình quân giá đóng cửa 20 phiên giao dịch gần nhất từ ngày 20/11/2017 đến ngày 15/12/2017 trước khi đăng ký hủy giao dịch Upcom là **14.390 đồng**

Phương pháp BV: Phương pháp này dựa trên các số liệu báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/9/2017 được xác định bởi công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{1.233.729.591.228}{102.493.098} = \mathbf{12.037 \text{ đồng/cổ phiếu}}$$

Phương pháp P/BVbq: Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách quý gần nhất của Công ty và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

$$\mathbf{P = BV \times P/BVbq = 12.037 \times 1,90 = 22.870 \text{ đồng/cổ phiếu}}$$

Trong đó:

P: là giá cổ phiếu của Công ty được định giá

BV: là giá trị sổ sách một cổ phiếu của công ty trên các số liệu báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2017 của công ty

P/BVbq: là hệ số giá/giá trị sổ sách trung bình của nhóm các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, có sự tương đồng về tổng tài sản và vốn chủ sở hữu (trên 1.000 tỷ): Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ, Công ty cổ phần Thủy điện Miền Trung, Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam

Theo đó hệ số P/BVbq được tính như sau:



STT	Tên công ty	Mã CK	Giá trị sổ sách 9T/2017 (BV)	Giá tham chiếu 15/12/2017	P/BVbq	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản 30/9/2017 (triệu đồng)
1	Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn	SJD	15.739	23.850	1,52	1.086.003	1.597.337
2	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	TMP	15.226	33.000	2,17	1.065.788	1.372.279
3	Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung	CHP	13.759	29.300	2,13	1.733.593	2.987.173
4	Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam	SHP	12.271	22.000	1,79	1.149.915	2.526.592
					1,90		

Trọng số các phương pháp khi tính giá tham chiếu dự kiến trong phiên giao dịch đầu tiên:
 Công ty lựa chọn trọng số của các phương pháp khi xác định giá tham chiếu dự kiến trong phiên giao dịch đầu tiên của cổ phiếu như sau:

Stt	Phương pháp tính giá	Tỷ trọng	Căn cứ
(1)	Bình quân giá đóng cửa 20 phiên giao dịch gần nhất từ ngày 20/11/2017 đến ngày 15/12/2017 trước khi hủy đăng ký giao dịch UPCOM	40%	Công ty lựa chọn tỷ trọng 40% cho 2 phương pháp (1) và (2) vì 2 phương pháp này thể hiện chính xác giá cổ phiếu được thị trường đánh giá tại thời điểm niêm yết dự kiến và giá trị nội tại của doanh nghiệp. Phương pháp (3) là phương pháp rất phù hợp với doanh nghiệp sản xuất, đánh giá được tương quan giá trị của doanh nghiệp so với mức bình quân của các doanh nghiệp cùng ngành và tương đồng trên thị trường, tuy nhiên phương pháp này là phương pháp có tính chất tương đối nên tỷ trọng công ty lựa chọn là 20%
(2)	Phương pháp BV	40%	
(3)	Phương pháp P/BVbq	20%	



Như vậy, giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu VPD trong phiên giao dịch đầu tiên được xác định như sau:

Stt	Phương pháp tính giá	Giá trị cổ phiếu theo phương pháp tính giá	Tỷ trọng	Giá trị theo tỷ trọng
1	Bình quân giá đóng cửa 20 phiên giao dịch gần nhất từ ngày 20/11/2017 đến ngày 15/12/2017 trước khi hủy đăng ký giao dịch UPCOM	14.390	40%	5.756
2	Phương pháp BV	12.037	40%	4.815
3	Phương pháp P/BVbq	22.870	20%	4.574
Giá tham chiếu theo trọng số				15.145
Giá tham chiếu dự kiến (làm tròn)				15.100

Giá tham chiếu tại phiên giao dịch đầu tiên trên sàn Hose theo phương pháp tính giá trên là **15.100 đồng/cổ phiếu**. Hội đồng quản trị Công ty sẽ thông báo chính thức bằng văn bản gửi Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong phiên giao dịch đầu tiên theo quy định.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam hiện nay không quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Theo Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015.

Hiện nay một số ngành nghề kinh doanh của công ty là ngành nghề có điều kiện nhưng không thuộc trường hợp hạn chế tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài, như vậy, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài của Công ty tối đa là 49%. Tại ngày 5/10/2017, cổ đông nước ngoài nắm giữ 42.456 cổ phiếu VPD, tương đương với 0,041% vốn điều lệ công ty.



8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Ưu đãi thuế

Đối với thu nhập phát sinh tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình: Theo thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, thu nhập phát sinh của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình được miễn thuế 3 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo kể từ năm bắt đầu đi vào hoạt động là năm 2009.

Đối với thu nhập phát sinh tại Nhà máy Thủy điện Khe Bó: Theo công văn số 68170/CT-HTr ngày 21/10/2015 của Cục thuế Thành phố Hà Nội thì thu nhập tại Nhà máy Thủy điện Khe Bó được miễn thuế trong năm 2015 và 2016, được giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Việc miễn, giảm thuế trên không áp dụng với các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập khác này chịu mức thuế suất phổ thông theo quy định hiện hành. Từ năm 2016, mức thuế suất phổ thông Công ty áp dụng là 20%.

8.2 Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:

- » Cung cấp nước sạch: 5%
- » Các hoạt động khác: 10%

8.3 Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân,... Công ty thực hiện theo các quy định hiện hành tại Việt Nam.

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ : 52 Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3773 7070 **Fax:** (024) 3773 9058

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ : 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại : (84.24) 3824 1990 **Fax:** (84.24) 3825 3973

Website : www.aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và các lần thay đổi.

2. Phụ lục II

Bản sao Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Phụ lục III





Bản sao Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 và 2016; Bản sao Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2017

4. Các phụ lục khác



Người chịu trách nhiệm nội dung BCB

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2017

TỔ CHỨC NIÊM YẾT CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - TỔNG GIÁM ĐỐC	
 TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Thanh Tùng</i>	
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT  <i>Trần Thị Minh Trung</i>	KẾ TOÁN TRƯỞNG  <i>Nguyễn Tùng Phương</i>
TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	
 NGUYỄN THỊ HẠNH	

